

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 177/BC-UBND

Hậu Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021 và
kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2021

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Hậu Giang về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021, với mục tiêu tổng quát của năm 2021 là “**Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghiệp, công nghệ thông tin, giao thông, thủy lợi; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội; du lịch, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giữ vững quốc phòng - an ninh; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân**”.

Tiếp nối kết quả đã đạt được của năm 2020, những tháng đầu năm 2021, kinh tế trong tỉnh tiếp tục phát triển ổn định. Tuy nhiên, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ tháng 7 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có tỉnh Hậu Giang đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô; cung ứng và lưu chuyển thương mại bị gián đoạn; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xuất nhập khẩu, du lịch, lưu trú, y tế, lao động, việc làm,... gặp nhiều khó khăn, sức chống chịu của khu vực doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bị suy giảm nặng nề. Cùng với cả nước, Tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt, nghiêm ngặt để kiểm soát dịch COVID-19 và đã đạt được một số kết quả bước đầu, nhanh chóng thiết lập trạng thái bình thường mới, triển khai các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của dịch COVID-19, vượt qua khó khăn, thách thức, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, phục hồi và phát triển kinh tế, từ đó tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 đã đạt được những kết quả quan trọng.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2021

Năm 2021, Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua 18 chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, ước cả năm có 05 chỉ tiêu vượt kế hoạch (tổng vốn đầu tư toàn xã hội; tổng thu ngân sách nhà nước; số doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế; tỷ lệ đô thị hóa; lao động việc làm); 09 chỉ tiêu đạt kế hoạch (nông thôn mới; dân số; tỷ lệ hộ nghèo; y tế; giáo dục; tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch; tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thu gom và xử lý; quốc phòng; an ninh); còn 04 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế; GRDP bình quân đầu người; kim ngạch xuất khẩu), cụ thể:

1. Lĩnh vực kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 2,5% (kế hoạch 6,5%), trong đó, khu vực nông - lâm - ngư nghiệp (khu vực I): 3,28% (kế hoạch 2,25%), khu vực công nghiệp - xây dựng (khu vực II): 5,36% (kế hoạch 13,07%), khu vực thương mại - dịch vụ (khu vực III): 0,56% (kế hoạch 5,5%), thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 0,75% (kế hoạch 5%).

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 54,15 triệu đồng/người, tương đương 2.355 USD, tăng 4% so với cùng kỳ, đạt 95% kế hoạch (kế hoạch 57 triệu đồng/người).

(3) Cơ cấu kinh tế khu vực I: 26,62%, khu vực II: 24,84%, khu vực III: 38,9%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 9,65% (kế hoạch 25,41% - 26,05% - 38,92% - 9,61%), chưa đạt kế hoạch đề ra.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn theo giá hiện hành 17.330 tỷ đồng, bằng 83,72% so với cùng kỳ, đạt 102,51% kế hoạch.

(5) Tổng thu ngân sách nhà nước là 11.256 tỷ đồng, đạt 144,1% dự toán Trung ương, đạt 102,88% dự toán HĐND tỉnh. Trong đó: thu nội địa là 4.220 tỷ đồng, tăng 11,27% so với cùng kỳ, đạt 126,83% dự toán Trung ương, đạt 100,36% dự toán HĐND tỉnh. Tổng chi ngân sách địa phương là 9.753 tỷ đồng, đạt 140,43% dự toán Trung ương, đạt 102,06% dự toán HĐND tỉnh, trong đó: chi đầu tư phát triển là 4.261 tỷ đồng, tăng 37,85% so với cùng kỳ; chi thường xuyên 5.017 tỷ đồng, tăng 10,36% so với cùng kỳ.

(6) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 969 triệu USD, bằng 94,6% so với cùng kỳ, đạt 89,56% kế hoạch. Trong đó kim ngạch xuất khẩu 611 triệu USD, bằng 90,9% so với cùng kỳ, đạt 76,38% kế hoạch. Kim ngạch nhập khẩu 358 triệu USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ, đạt 126,95% kế hoạch.

(7) Số doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế 2.757 doanh nghiệp, tăng 332 doanh nghiệp so với cùng kỳ, đạt 106,15% kế hoạch (kế hoạch 2.597 doanh nghiệp).

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

(8) Dân số trung bình 729.888 người, tỷ lệ tăng dân số trung bình 0,43%, trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 6‰, đạt 103,27% kế hoạch (kế hoạch 5,81‰).

(9) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 29%, đạt 100,1% kế hoạch (kế hoạch 28,97%).

(10) Tỷ lệ hộ nghèo còn 2,46%, đạt kế hoạch (kế hoạch 2,46%).

(11) Số lao động được tạo việc làm 16.518 người, bằng 95,48% so với cùng kỳ, đạt 110,1% kế hoạch (kế hoạch 15.000 lao động). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63,2%, đạt 100,02% kế hoạch.

(12) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 82,19%, tăng 2,73% so với cùng kỳ (tăng 02 trường), đạt kế hoạch. Số sinh viên trên 10.000 dân là 205 sinh viên, tăng 05 sinh viên trên 10.000 dân so với cùng kỳ.

(13) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 10,69% (kế hoạch 10,7%), bằng 98,07% so cùng kỳ; số bác sĩ trên 10.000 người dân là 8,66 bác sĩ (kế hoạch 8,65 bác sĩ), tăng 0,36 bác sĩ so với cùng kỳ; số giường bệnh trên 10.000 người dân là 35,4 giường (kế hoạch 35,3 giường), tăng 1,26 giường so cùng kỳ; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 91,61%, tăng 0,28% so cùng kỳ. Nhóm chỉ tiêu này đạt kế hoạch.

(14) Công nhận 2 xã nông thôn mới (kế hoạch 2 xã), nâng tổng số xã nông thôn mới lên 34/51 xã, chiếm tỷ lệ 66,67% tổng số xã, tăng 2 xã so với cùng kỳ; có 5 xã nông thôn mới nâng cao, tăng 2 xã so với cùng kỳ, đạt tỷ lệ 14,7%, số tiêu chí bình quân toàn tỉnh là 16,9 tiêu chí/xã.

3. Lĩnh vực tài nguyên, môi trường

(15) Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt 96%, tăng 1% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch (kế hoạch 96%). Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt 83%, đạt 100% kế hoạch (kế hoạch 83%).

(16) Tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thu gom và xử lý 88%, tăng 2% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch (kế hoạch 88%).

4. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

(17) Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2021; công tác huấn luyện, diễn tập đúng tiến độ, đạt chất lượng cao; giáo dục an ninh quốc phòng đúng đối tượng.

(18) Đảm bảo được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường các giải pháp kiềm chế sự gia tăng của tội phạm và đảm bảo được trật tự an toàn giao thông.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Về phòng, chống dịch bệnh COVID-19

Các địa phương đã kiện toàn Ban Chỉ đạo và thành lập Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19 các cấp. Ban Chỉ đạo và Sở chỉ huy phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh đã chủ động các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Bộ Y tế về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trên địa bàn toàn Tỉnh. Trên cơ sở đó, Tỉnh đã nghiên cứu cụ thể hóa các văn bản định hướng chỉ đạo và các quy định, hướng dẫn đảm bảo triển khai kịp thời, nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế và phù hợp với thực tiễn, tình hình tại địa phương. Đến nay, tình hình dịch bệnh COVID-19 toàn Tỉnh cơ bản được kiểm soát. Công tác tiêm ngừa vắc xin phòng COVID-19 được tập trung triển khai, với tinh thần quyết tâm cao, đảm bảo an toàn và đúng tiến độ. Thành quả quan trọng nhất là đảm bảo thực hiện được mục tiêu: Bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của người dân; hạn chế đến mức thấp nhất các ca mắc, ca chuyển bệnh nặng, tử vong do mắc COVID-19; khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (Hậu Giang là tỉnh có số ca mắc, ca chuyển bệnh nặng và tỷ lệ tử vong do dịch COVID-19 thấp nhất trong 13 tỉnh, thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long; kinh tế giữ được tăng trưởng dương).

2. Tái cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế

Thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo quan điểm phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh tiếp tục phát triển. Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 2,5% theo giá so sánh 2010, thấp hơn năm 2020 (năm 2020 là 4,53%); cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu do thực hiện giãn cách xã hội kéo dài và chi phí phòng, chống dịch để duy trì sản xuất tăng cao, nên GRDP quý III giảm 6,02%; tính chung 9 tháng năm 2021, tăng trưởng kinh tế của tỉnh chỉ đạt 1,56%. Nhìn chung, trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, các ngành và địa phương đã thực hiện tốt, có hiệu quả công tác phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế nên tình hình kinh tế của tỉnh năm 2021 vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương và đạt được một số kết quả tích cực trên các lĩnh vực.

Mặc dù sản xuất có bị gián đoạn do dịch bệnh COVID-19, nhưng đời sống Nhân dân vẫn có bước cải thiện, GRDP bình quân đầu người đạt 54,15 triệu đồng/năm, tương đương 2.355 USD, tăng 4% so với cùng kỳ.

Tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế 390.220 người, chiếm 53,5% dân số. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm ở khu vực I và tăng ở khu vực II và III, lao động giữa 3 khu vực I, II, III năm 2020 là 44,3% - 22% - 33,7%, đến năm 2021 là 43,3% - 22,5% - 34,2%, lao động khu vực I đã

giảm được khoảng 1% so với cùng kỳ. Năng suất lao động xã hội đạt 101,3 triệu đồng/lao động/năm (năm 2020 là 96,7 triệu đồng/lao động/năm), tăng 4,75% so với cùng kỳ.

Dịch COVID-19 bùng phát tại tỉnh từ tháng 7 năm 2021 và diễn biến phức tạp, Tỉnh phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19. Do đó, các nhà thầu không đảm bảo các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 phải tạm thời ngừng triển khai thi công nên khối lượng thực hiện các công trình xây dựng cơ bản so với cùng kỳ giảm, vốn đầu tư toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 17.330 tỷ đồng, bằng 83,7% so với cùng kỳ, đạt 102,5% kế hoạch.

UBND tỉnh đã chủ động triển khai lộ trình của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời, tham mưu Tỉnh ủy thành lập 10 Tổ công tác chỉ đạo giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Kiểm soát chặt chẽ các kế hoạch điều chỉnh dự án đầu tư công, triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm 2021, đáp ứng vốn đối ứng cho các dự án ODA, NGO. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2021 là 2.929 tỷ đồng, ước giá trị giải ngân cả năm đạt 95%, cao hơn 5% so với cùng kỳ.

Cuộc Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh được triển khai đúng tiến độ. Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng được triển khai hiệu quả, các tổ chức tín dụng hoạt động tích cực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Về kinh tế nhà nước: Tỉnh hiện có 07 doanh nghiệp nhà nước với 334 lao động, đóng góp 16,2% vào GRDP của Tỉnh. Tỉnh đã thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa 8/9 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần¹.

Về kinh tế tư nhân: Có 5.306 doanh nghiệp đăng ký thành lập, thu hút 52.742 lao động, nguồn vốn sản xuất kinh doanh 57.879 tỷ đồng, chiếm 81,4% tổng nguồn vốn kinh doanh, tăng bình quân 15,6%/năm, đóng góp 45% cho GRDP của Tỉnh. Kinh tế cá thể phát triển mạnh, toàn tỉnh có 51.556 hộ kinh doanh, thu hút gần 81.000 lao động, với nguồn vốn trên 4.500 tỷ đồng, chiếm 6,2% tổng nguồn vốn kinh doanh, tăng bình quân 2,2%/năm, đóng góp 5,3% cho GRDP của Tỉnh. Kinh tế hợp tác, hợp tác xã (HTX) được củng cố, từng bước nâng chất và có chuyển biến tích cực. Trong năm 2021, có 30 HTX thành lập mới, lũy kế toàn tỉnh hiện có 233 HTX với 6.696 thành viên và 9.519 lao động, vốn hoạt động trên 393 tỷ đồng².

¹Cụ thể: Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu, Trung tâm Đăng kiểm Phương tiện giao thông thủy bộ, Trung tâm Quy hoạch - Kiến trúc, Trung tâm Giống nông nghiệp, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Nông nghiệp Mùa Xuân, Nhà khách Bông Sen.

² Trong đó, có 208 HTX đang hoạt động và 25 HTX hoạt động không hiệu quả, cầm chừng, ngưng hoạt động chờ giải thể (huyện Châu Thành 20 HTX, huyện Phụng Hiệp 05 HTX). Tỉnh có 01 Liên hiệp HTX với 08 HTX thành viên, có 15 lao động làm việc thường xuyên, tổng vốn hoạt động là 1,9 tỷ đồng. Tỉnh hiện có 959 tổ hợp tác (THT), số THT đăng ký hoạt động theo Nghị định 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ là 632 THT với 13.560 thành viên, 14.075 lao động, vốn hoạt động 10.758 triệu đồng. Nhìn chung, kinh tế tập thể đã có những đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là trong công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ở khu vực nông thôn. Lực lượng kinh tế tập thể đóng góp khoảng 2% cho GRDP của Tỉnh.

3. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện

Theo kết quả báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố, tỉnh Hậu Giang đứng vị trí thứ 39/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, tăng 03 bậc so với năm 2019, đứng vị trí thứ 7/13 của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nằm trong nhóm hạng trung bình, đây là năm thứ ba liên tiếp tỉnh Hậu Giang tăng hạng. Tỉnh cũng đã xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành tỉnh và cấp huyện (DDCI) tỉnh Hậu Giang năm 2020. Nhìn chung, qua các chỉ số cạnh tranh năm 2020, cho thấy tỉnh Hậu Giang có nhiều cố gắng cải thiện môi trường đầu tư.

Công tác xúc tiến đầu tư, đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư được quan tâm; các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp sớm được giải quyết. Tỉnh đã chủ động chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh đối với nhiều doanh nghiệp. UBND tỉnh đã ban hành Quy định tổ chức quản lý các nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hậu Giang, tổ chức thành công Cuộc thi khởi nghiệp tỉnh Hậu Giang lần thứ II năm 2021, bình chọn được nhiều ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo để ươm mầm phát triển.

Thu hút đầu tư trong nước tăng so với cùng kỳ. Toàn tỉnh thu hút được 39 dự án đầu tư trong nước, tăng 10 dự án so với cùng kỳ (cùng kỳ 29 dự án) với tổng số vốn là 6.363 tỷ đồng, tăng 3.055 tỷ đồng so với cùng kỳ (cùng kỳ là 3.308 tỷ đồng), tạo việc làm cho gần 4.000 lao động. Lũy kế từ trước đến nay, toàn tỉnh có 371 dự án đầu tư với tổng mức đầu tư 163.365 tỷ đồng (trong đó, có 247 dự án ngoài khu, cụm công nghiệp với số vốn là 15.393 tỷ đồng và 66 dự án trong khu công nghiệp với tổng số vốn là 147.932 tỷ đồng, 02 dự án trong Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang với số vốn là 40 tỷ đồng).

Việc chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần được tiếp tục triển khai, đến nay Tỉnh đã thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa 8/9 đơn vị.

Về phát triển doanh nghiệp: Trong năm có 540 doanh nghiệp thành lập mới, với số vốn đăng ký 2.825 tỷ đồng, giảm 26% về số doanh nghiệp (190 doanh nghiệp) và giảm 67% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ, bình quân quy mô vốn của một doanh nghiệp khoảng 5,2 tỷ đồng. Số doanh nghiệp có hoạt động và kê khai thuế đến nay là 2.757 doanh nghiệp, tăng 332 doanh nghiệp so với cùng kỳ, vượt 6,15% kế hoạch.

Số doanh nghiệp giải thể là 125 doanh nghiệp, tăng 8,6% so với cùng kỳ (cùng kỳ 115 doanh nghiệp). Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 137 doanh nghiệp, tăng 65% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 83 doanh nghiệp).

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): cấp mới 02 dự án FDI với tổng số vốn là 5,94 triệu USD; thu hồi 04 dự án với tổng số vốn 700.184 USD. Lũy kế từ trước đến nay có 25 dự án FDI, với tổng số vốn đăng ký gần 608 triệu USD.

Về công tác vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO): Tỉnh đã tiếp nhận 23 dự án, tăng 17 dự án so với cùng kỳ, tổng mức tài trợ là 95 tỷ đồng, tăng hơn 83 tỷ đồng so với cùng kỳ; trong đó, vốn đối ứng của Tỉnh là 7,4 tỷ đồng. Lũy kế từ trước đến nay, Tỉnh đã tiếp nhận 247 chương trình, dự án vốn NGO, với tổng mức tài trợ là 398 tỷ đồng.

Về thu hút nguồn vốn ODA: Tiếp tục triển khai 04 dự án chuyển tiếp của năm 2020, lũy kế từ trước đến nay toàn tỉnh có 32 dự án vốn ODA, tổng mức đầu tư là 4.367 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 68%, vốn đối ứng là 32%.

4. Phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu

Nhờ đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, GRDP khu vực I tăng 3,28% (kế hoạch 2,25%, cùng kỳ là 3,09%). Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá so sánh 2010 tăng 3,58% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng lúa cả năm 189.000 ha, giảm 9.235 ha so với cùng kỳ, đạt 99,8% kế hoạch (kế hoạch 189.300 ha). Năng suất 6,76 tấn/ha, tăng 0,25 tấn/ha so với cùng kỳ. Sản lượng đạt 1,28 triệu tấn, đạt 102,14% kế hoạch, giảm 2,5% so với cùng kỳ.

Cây mía: Diện tích xuống giống được 5.040 ha, đạt 100,8% kế hoạch (kế hoạch 5.000 ha), giảm 14,7% so với cùng kỳ. Đến nay, có 314 ha được Công ty Cổ phần mía đường Cần Thơ ký hợp đồng bao tiêu và hỗ trợ vật tư đầu vào, thấp hơn so với cùng kỳ là 2.358 ha. UBND tỉnh đã làm việc Công ty Cổ phần mía đường Cần Thơ để thống nhất thời gian vào vụ nhằm tiêu thụ mía cho người dân.

Rau màu gieo trồng được 25.800 ha, đạt 108% kế hoạch (kế hoạch 23.800 ha), tăng 1,3% so với cùng kỳ, trong đó cây rau đậu là 21.976 ha, cây bắp là 2.079 ha. Sản lượng đạt 332.500 tấn, giảm 2,6% so với cùng kỳ.

Tổng diện tích cây ăn trái toàn tỉnh 43.350 ha, tăng 1.663 ha so với cùng kỳ, đạt 100,4% kế hoạch (kế hoạch 43.174 ha). Tổng sản lượng ước đạt 407.957 tấn³.

Tình hình chăn nuôi phát triển ổn định, đàn gia súc, gia cầm được hộ dân phát triển tái đàn. Tổng đàn heo 122.180 con, đạt 103,5% kế hoạch, tăng 20,9% so với cùng kỳ; tổng đàn gia cầm 4,5 triệu con, tăng 5,8% so với cùng kỳ, trong đó, đàn gà có 1,59 triệu con, tăng 17,15% (tương đương 232,4 ngàn con).

³ Diện tích và sản lượng thu hoạch một số cây ăn trái, trong đó:

- Cây khóm: Diện tích hiện có 2.908 ha, tăng 6,6% (bằng 182 ha). Sản lượng thu hoạch được 21.845 tấn, tăng 2,8% (bằng 600 tấn) so với cùng kỳ. Tập trung ở thành phố Vị Thanh và huyện Long Mỹ.

- Cây bưởi: Diện tích hiện có 1.646 ha, tăng 3,2% (bằng 50,7 ha). Sản lượng thu hoạch được 9.933 tấn, tăng 6,9% (bằng 641 tấn) so với cùng kỳ.

- Cây chanh không hạt: Diện tích hiện có 2.737 ha, tăng 15,1% (bằng 360 ha). Sản lượng thu hoạch được 20.921 tấn, tăng 12% (bằng 2.252 tấn) so với cùng kỳ.

- Cây măng cầu: Diện tích hiện có 690 ha, giảm 2,7% (bằng 19,56 ha). Sản lượng thu hoạch được 4.900 tấn, tăng 38,5% (bằng 1.361 tấn) so với cùng kỳ.

- Cây mít: Diện tích hiện có 8.323 ha, tăng 15,4% (bằng 1.074 ha), diện tích tăng chủ yếu ở các huyện như: Châu Thành, Châu Thành A, Phụng Hiệp và thành phố Ngã Bảy. Sản lượng thu hoạch được 46.597 tấn, tăng 15,8% (bằng 6.362 tấn) so với cùng kỳ.

Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản phát triển khá, các mô hình nuôi hiệu quả đang được nhân rộng. Tổng diện tích nuôi thủy sản 8.100 ha, tăng 1,48% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 80.000 tấn, tăng 12,4% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực, hoàn thành sớm mục tiêu của năm. Công nhận 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh là 34/51 xã, đạt 66,7%, tăng 02 xã so với cùng kỳ. Công nhận 03 xã nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao lên 05 xã, các xã còn lại đạt từ 10 - 18 tiêu chí, số tiêu chí bình quân toàn tỉnh là 16,9 tiêu chí/xã, tăng 0,5 tiêu chí so với cùng kỳ. Công nhận 01 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tiếp tục được nhân rộng ở các xã. Trong năm 2021, đã công nhận 21 sản phẩm, đến nay toàn tỉnh đã công nhận 66 sản phẩm OCOP.

Chiến dịch Giao thông nông thôn - Thủy lợi và Bảo vệ môi trường nông thôn được các địa phương thực hiện vượt cao so với kế hoạch⁴. Dù mùa mưa đến sớm nhưng hạn, mặn diễn biến khá phức tạp, độ mặn cao nhất là 11,8‰ (cùng kỳ là 9,2‰), các địa phương và nông dân đã có các biện pháp chủ động phòng, chống sớm nên thiệt hại không nhiều⁵.

Hiện tại, Tỉnh đang triển khai Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT) tỉnh Hậu Giang thuộc nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới, đã thực hiện đạt 60% tổng vốn của dự án; Dự án xây dựng mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé; dự án hỗ trợ, cung cấp nước sạch cho Nhân dân vùng hạn hán, xâm nhập mặn tỉnh Hậu Giang; Dự án xây dựng mô hình thủy lợi, tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước, áp dụng công nghệ 4.0 trong phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn huyện Châu Thành.

Về chuyển giao khoa học kỹ thuật, các địa phương đã xây dựng 10 mô hình trình diễn về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cải tạo đất ở các vùng chuyên canh cây ăn trái, quản lý dịch hại, ứng dụng công nghệ như tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, phun thuốc bằng thiết bị bay không người lái,...⁶.

⁴ Đường xây dựng mới: 346.577/62.000m² đạt 559% kế hoạch; đường nâng cấp, mở rộng: 455.692/190.000m² đạt 240% kế hoạch; đường duy tu, sửa chữa: 213.621/32.000m² đạt 667% kế hoạch. Cầu xây dựng mới: 11.467/2.400m² đạt 460% kế hoạch; cầu nâng cấp, mở rộng: 4.299/800m² đạt 529% kế hoạch; cầu duy tu, sửa chữa: 3.877/1.400m² đạt 277% kế hoạch. Kinh phí thực hiện: 469,2 tỷ đồng; trong đó: Nhà nước 303,5 tỷ đồng chiếm 64,7%; Nhân dân đóng góp 105 tỷ đồng chiếm 22,4%, huy động 60,5 triệu đồng chiếm 12,9%.

⁵ Sạt lở đất có xu hướng giảm, xảy ra 30 điểm sạt lở (cùng kỳ là 46 điểm), tổng chiều dài 737 m, diện tích mất đất 4.457 m², tổng thiệt hại 2,5 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ. Đông lốc làm sập 14 căn nhà, tốc mái 63 căn nhà, 02 phòng học, 01 xưởng sản xuất, 01 trạm biến điện, thiệt hại 03 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ. Tổng thiệt hại do thiên tai từ đầu năm đến nay là: 5,5 tỷ đồng, giảm 19% so với cùng kỳ (năm 2020 là 6,8 tỷ đồng).

⁶ Về liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản: có khoảng 40 công ty, doanh nghiệp, HTX ký hợp đồng liên kết bao tiêu lúa vụ Đông Xuân 2020 - 2021 với diện tích 38.868 ha. Bên cạnh đó, một số loại cây ăn trái khác như chanh không hạt, măng cầu xiêm cũng được doanh nghiệp bao tiêu hoặc ký hợp đồng ghi nhớ với nông dân, UBND tỉnh kêu gọi doanh nghiệp thu mua mía tại các vùng nguyên liệu cho niên vụ mía 2021.

5. Phát triển công nghiệp - xây dựng và đô thị

Sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, các khu, cụm công nghiệp phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, có nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô. Tỉnh chủ động chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án và duy trì sản xuất trong điều kiện dịch bệnh COVID-19, thực hiện nghiêm phương án “3 tại chỗ”, “1 cung đường 2 điểm đến” nên đa số doanh nghiệp đảm bảo được tình hình sản xuất⁷. Tuy nhiên, cũng có doanh nghiệp cắt giảm quy mô hoặc tạm dừng sản xuất⁸. Trong tháng 10 năm 2021, toàn tỉnh có 2.775 doanh nghiệp hoạt động, trong đó có 1.460 doanh nghiệp hoạt động cầm chừng hoặc thu hẹp quy mô sản xuất. GRDP ngành công nghiệp chỉ tăng 5,8% so với cùng kỳ, đây là mức tăng thấp nhất từ trước đến nay (năm 2020 là 16,08%)⁹.

Các khu, cụm công nghiệp đã thu hút thêm được 13 dự án, nâng tổng số có 97 dự án, 60 dự án đi vào hoạt động. Tổng mức thu hút đầu tư trong nước là 75.375 tỷ đồng, ngoài nước là 608 triệu USD¹⁰.

Tăng trưởng kinh tế ngành xây dựng đạt 3,54% (cùng kỳ là 8,74%), đạt 97,2% kế hoạch, đây là mức tăng thấp nhất từ trước đến nay. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung các đô thị đạt 100%, quy hoạch phân khu đạt 65% và quy hoạch chi tiết đô thị đạt 40%. Đang triển khai lập 02 đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A.

Tỉnh đã thu hút được 82 dự án lĩnh vực nhà ở, quy mô 2.248 ha, đã triển khai 34 dự án với quy mô sử dụng đất gần 500 ha được phân bổ trên các địa bàn tỉnh. Trong đó nhiều nhất là huyện Châu Thành có 08 dự án, quy mô 174 ha. Các dự án nhà ở xã hội đang phát triển khá mạnh, đã triển khai 02 dự án và chuẩn bị triển khai 14 dự án với diện tích sử dụng đất hơn 70 ha, chủ yếu tập trung tại các đô thị loại II, III và khu công nghiệp Sông Hậu. Công tác phát triển đô thị tiếp tục phát triển, đến nay tỷ lệ đô thị hóa đạt 29%, tăng 0,91% so với cùng kỳ.

⁷ Điển hình như: Công ty TNHH Number One Hậu Giang; Công ty Cổ phần chế biến xuất khẩu gạo Quang Phát Hậu Giang (sản phẩm sản xuất gạo thành phẩm); Công ty TNHH MTV Masan Hậu Giang (sản xuất thực phẩm ăn liền và nước uống không cồn đóng chai); Công ty CP điện mặt trời VKT- Hòa An (điện năng lượng mặt trời); Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang,...

⁸ Cụ thể như: Công ty TNHH Bách Mỹ Nội Y; Công ty TNHH may Nhà Bè; Công ty TNHH hải sản Việt Hải; Công ty TNHH Giáp Quáng Thắng, Công ty Cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang (giảm trên 70% lao động từ cuối tháng 7 đến nay); Công ty TNHH Lạc Tỷ 2 (lao động giảm trên 49,7% so với cùng kỳ).

⁹ Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng mạnh đến sản xuất công nghiệp của tỉnh, một số doanh nghiệp sản lượng giảm như: sản xuất trang phục giảm 1,5%, sản xuất da giảm 3,9%, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 13,8%, sản xuất đường giảm 67%, ngành chế biến, bảo quản thủy sản giảm 13,9%. Tuy nhiên, vẫn có nhiều doanh nghiệp duy trì và hoạt động ổn định, tăng sản lượng so với cùng kỳ như ngành xay xát tăng 65%, thức ăn gia súc tăng 17,7%; bia đóng chai tăng 81,3%; nước hoa quả tăng 22,5%; xi măng tăng 2,8%.

¹⁰ Các dự án năng lượng mặt trời và điện sinh khối đang được các nhà đầu tư tiếp cận, tỉnh đang đề nghị bổ sung vào quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia tổng công suất 9.837 MW (trong đó điện mặt trời mặt đất 5.123 MW, điện gió 4.670 MW và điện sinh khối 38 MW). Trong năm, đã thu hút được 02 nhà đầu tư như Tập đoàn Sao Mai tiếp cận đầu tư 02 dự án điện mặt trời mặt đất tổng công suất 375MW, Công ty Cổ phần Xây dựng Điện 2 đầu tư 01 dự án điện sinh khối tổng công suất 20MW.

Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng đã hỗ trợ 5.533 hộ, với kinh phí trên 170 tỷ đồng từ ngân sách của Trung ương và ngân sách tỉnh.

6. Khu vực dịch vụ

Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, một số cơ sở kinh doanh và dịch vụ phải tạm ngừng hoạt động, các hoạt động xúc tiến thương mại như hội chợ, nhiều sự kiện kết nối cung cầu phải đình lại, công tác giao thương tiêu thụ hàng hóa rất hạn chế, do đó tốc độ tăng trưởng thương mại, dịch vụ chỉ tăng 0,56% (cùng kỳ là 1,41%). Ước thực hiện năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ đạt gần 41.400 tỷ đồng, tăng 1,99% so với cùng kỳ, đạt 97,3% so với kế hoạch. Tỉnh đã chỉ đạo khai thác tối đa thị trường trong nước để vừa quảng bá, giới thiệu, vừa hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Kết quả đã kết nối đưa 15 sản phẩm của tỉnh vào các siêu thị Co.opmart, Vinmart, Bách hóa Xanh...mỗi tháng tiêu thụ hơn 150 tấn sản phẩm. Đặc biệt, đã tổ chức đưa 27 sản phẩm lên các Sàn Thương mại điện tử như: Voso, Postmart, Shopee,...đến nay, đã tiêu thụ 30 tấn sản phẩm các loại.

Đề án Quản lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã triển khai đến từng cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh biết và đăng ký tham gia. Ngành chủ quản đã tiến hành dán tem truy xuất cho 16 sản phẩm nông, thủy sản các loại¹¹.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước cuối năm 2021 đạt 969 triệu USD, giảm 5,3% so với cùng kỳ, đạt 89,56% kế hoạch. Trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 611 triệu USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ, đạt 76,38% kế hoạch. Kim ngạch nhập khẩu đạt 358 triệu USD, tăng 1,7% cùng kỳ, đạt 126,95% kế hoạch.

7. Tài chính, thuế, ngân hàng

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, các địa phương triển khai đồng bộ, đầy đủ các giải pháp thu ngân sách nhà nước (NSNN) ngay từ đầu năm; tập trung phân tích, rà soát từng khoản thu, sắc thuế, nhằm đánh giá nguyên nhân tác động để khai thác tốt các nguồn thu tiềm năng; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế và xử lý nợ đọng thuế gắn với cải cách thủ tục hành chính thuế.

¹¹ Cụ thể: Trà măng cầu - Cơ sở sản xuất trà măng cầu Diễm Phương; Cá thát lát - HTX Kỳ Như; Keo đậu phộng - Cơ sở Keo đậu phộng Song Phụng; Khóm cầu dục - HTX Nông nghiệp Thanh Thắng; Xoài cát Bảy Ngàn - HTX Xoài Cát Bảy Ngàn; Sữa dê Ngọc Đào - Cơ sở Chăn nuôi dê và Chế biến sữa dê Ngọc Đào; Chanh không hạt - HTX Nông nghiệp Thanh Phước; Bưởi da xanh - HTX Tiến Nông; Trái măng cầu - HTX Măng cầu xiêm Thuận Hòa; Quýt đường - HTX Quýt đường Long Trị; Rượu cam sành - Cơ sở sản xuất tỏi đen LPT; Mật ong hương trầm - Hộ sản xuất Trần Nhim; HTX Nông nghiệp Long Bình 1 (sản phẩm gạo); Cơ sở Nước mắm Y Hương, ấp Tân Phú, thị trấn Cái Tắc; Cơ sở Lạc Xường Mỹ Yên, ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc; Cơ sở chanh muối Kim Phương, ấp Tân Thạnh Tây, Tân Phú Thạnh.

Tổng thu NSNN là 11.256 tỷ đồng, đạt 144,1% dự toán Trung ương, đạt 102,88% dự toán HĐND tỉnh. Trong đó: thu nội địa là 4.220 tỷ đồng, tăng 11,27% so với cùng kỳ, đạt 126,83% dự toán Trung ương, đạt 100,36% dự toán HĐND tỉnh. Tổng chi ngân sách địa phương là 9.753 tỷ đồng, đạt 140,43% dự toán Trung ương, đạt 102,06% dự toán HĐND tỉnh, trong đó: chi đầu tư phát triển là 4.261 tỷ đồng, tăng 37,85% so với cùng kỳ; chi thường xuyên 5.017 tỷ đồng, tăng 10,36% so với cùng kỳ.

Ngành ngân hàng đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và nông dân trong tỉnh tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất và thời hạn hợp lý, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án trọng điểm của Chính phủ và địa phương. Ước cả năm tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 16.169 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 13,98%). Tổng dư nợ cho vay trên địa bàn 28.065 tỷ đồng, tăng 16,98% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 8,03%). Nợ xấu 421 tỷ đồng, chiếm 1,50%/tổng dư nợ.

8. Giáo dục và đào tạo, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ

Để thích ứng với tình hình dịch COVID-19, ngành giáo dục đã kịp thời đưa ra các phương án ứng phó; chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp để vừa đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa thực hiện kế hoạch năm học. Kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia năm 2021 tổ chức tại tỉnh Hậu Giang diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy định. Hậu Giang có 6.552 thí sinh đăng ký dự kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia, tăng 999 thí sinh so với cùng kỳ, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 98,78%, cao hơn 0,49% so với năm 2020. Chất lượng nguồn nhân lực ngành giáo dục cũng được nâng lên¹².

Năm học 2021 - 2022, toàn tỉnh huy động được 158.573 học sinh đến trường, đạt 99,61% kế hoạch, tích cực triển khai Chương trình “Sóng và máy tính cho em”. Toàn tỉnh có 320 trường từ mầm non đến trung học phổ thông, giảm 06 trường so với cùng kỳ. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, đến nay đã có 263/320 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 82,19% tổng số trường.

¹² Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên cấp học mầm non đạt chuẩn 95,67%, trên chuẩn 69,94%; tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên cấp tiểu học đạt chuẩn 77,12%, trên chuẩn 0,3%; tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên cấp trung học cơ sở đạt chuẩn 89,48%, trên chuẩn 0,84%; tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên cấp trung học phổ thông đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 18,05%; tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 16,28%.

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH-CN) của tỉnh tiếp tục được quan tâm đổi mới; tổ chức xét duyệt 15 đề tài, dự án; nghiệm thu 06 đề tài¹³. Chuyển giao kết quả nghiên cứu 08 đề tài, dự án về các sở ngành triển khai ứng dụng vào thực tế. Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH-CN thực hiện 03 dự án cấp tỉnh¹⁴ và 06 dự án cấp huyện¹⁵.

9. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Chỉ đạo sát sao, chủ động triển khai có hiệu quả và kịp thời các giải pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Năng lực xét nghiệm của tỉnh đảm bảo thực hiện khi có nhu cầu. Số người điều trị khỏi chiếm tỷ lệ trên 87,8% tổng số ca mắc. Công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 đảm bảo tiến độ theo quy định của Bộ Y tế, dự kiến đến cuối năm sẽ đạt 60% người dân tiêm đủ 2 liều trên tổng dân số tỉnh Hậu Giang từ 18 tuổi trở lên nằm trong độ tuổi tiêm chủng.

Công tác khám, chữa bệnh đã có bước chuyển biến tích cực; nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao đã được thực hiện, chất lượng chuyên môn y tế các tuyến đã từng bước được nâng lên. Có sự chuyển biến rõ rệt về phong cách, thái độ phục vụ người bệnh, cùng với việc xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, tăng tỷ lệ hài lòng của người bệnh.

Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; có 8,66 bác sĩ trên 10.000 người dân, tăng 0,33 bác sĩ so với cùng kỳ; có 35,4 giường bệnh trên 10.000 người dân, tăng 1,26 giường so với cùng kỳ; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 10,69%; giảm 1,3% so với cùng kỳ; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế cuối năm 2021 đạt 91,61% dân số, tăng 0,28% so với năm 2020.

¹³ (1) Nghiên cứu tẩy giun định kỳ cho học sinh tiểu học sau can thiệp ở tỉnh Hậu Giang năm 2017-2018; (2) Xây dựng mô hình chính quyền thân thiện cấp xã ở thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang; (3) Đánh giá tiềm năng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ở Hậu Giang: hiện trạng và giải pháp đến năm 2030; (4) Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng bền vững đất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang; (5) Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

(1) Dự án “Xây dựng mô hình, nâng cao năng suất, chất lượng trái bưởi da xanh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”; (2) Dự án “Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “chanh không hạt Hậu Giang” dùng cho sản phẩm chanh không hạt của tỉnh Hậu Giang”; (3) Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật trồng mít (*Artocarpus heterophyllus* Lamk.) đạt tiêu chuẩn VietGAP và truy xuất nguồn gốc theo công nghệ Blockchain tại tỉnh Hậu Giang”.

¹⁵ (1) Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật phát triển vùng chuyên canh Bưởi da xanh (*Citrus maxima*) đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang”; (2) Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật thực hành chuỗi giá trị măng cầu gai (*Annona muricata* L.) đạt tiêu chuẩn GlobalGAP ở huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang”; (3) Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật trồng và chế biến sau thu hoạch rau đắng đất *Polygonum aviculare* L. tại huyện Phụng Hiệp”; (4) Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP để phát triển vùng chuyên canh Khóm ở Hậu Giang”; (5) Dự án “Xây dựng mô hình hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật trồng dưa lưới đạt tiêu chuẩn GlobalGAP tại huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang”; (6) Dự án “Xây dựng mô hình trồng, chế biến ổi ruột đỏ tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang”.

10. Văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông

Phong trào văn hóa nghệ thuật, thể thao cũng được tổ chức phù hợp theo tình hình mới. Tổ chức thành công các giải thể thao mừng Đảng - mừng Xuân 2021; tổ chức giải Quần vợt Mừng Đảng quang vinh - mừng Xuân Tân Sửu tỉnh Hậu Giang năm 2021; đăng cai tổ chức giải vô địch Lân Sư Rồng quốc gia lần thứ VIII năm 2021; tổ chức Đại hội Khỏe “Vì An ninh Tổ quốc” lần thứ V năm 2021, tổ chức giải Quần vợt Agribank mở rộng tỉnh Hậu Giang năm 2021. Về thể thao thành tích cao đạt được nhiều kết quả nổi bật, tham gia 14 giải đạt 32 Huy chương các loại.

Tổ chức tổng kết thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án tạo dựng hình ảnh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch quảng bá, xúc tiến du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, hoạt động du lịch bị đứt gãy.

Buru chính viễn thông của tỉnh tiếp tục phát triển, các cơ quan báo chí tập trung thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh về các hoạt động kinh tế - xã hội, các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19; Bám sát, thông tin đầy đủ về các vấn đề: dân sinh; an toàn thực phẩm; thông tin về tình hình an toàn giao thông, an ninh, trật tự; phòng, chống hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Tỉnh đã ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2023,...¹⁶. Mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh đến cấp xã, triển khai hệ thống truyền hình hội nghị từ Trung ương đến 75 xã, phường, thị trấn của Tỉnh. Tổ chức khai trương Cổng đăng ký tên miền Quốc gia “.vn” tại tỉnh Hậu Giang. Triển khai ứng dụng nền tảng thanh toán trực tuyến quốc gia tại tỉnh Hậu Giang (PayGov). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, 100% dịch vụ công đủ điều kiện của Tỉnh đã được cung cấp mức độ 4. Đến ngày 04 tháng 10 năm 2021, Hậu Giang có 100% mũi tiêm được cập nhật trên nền tảng tiêm chủng Quốc gia.

¹⁶ Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang; thành lập Tổ Công tác xây dựng Khu công nghệ thông tin; thành lập Tổ kỹ thuật để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin; Kế hoạch triển khai cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2021; thành lập Tổ công nghệ phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh Hậu Giang; Quyết định phê duyệt Danh sách dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn và đảm bảo cung cấp hàng hóa thiết yếu trong đại dịch trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chuyển đổi số; Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

11. Đảm bảo an sinh xã hội, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Về đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội

Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện cho người lao động sản xuất kinh doanh, đã tạo việc làm mới cho 16.518 lao động, đạt 110,1% kế hoạch. Hỗ trợ tuyển dụng 1.504 lao động cho các doanh nghiệp, hỗ trợ giới thiệu, cung ứng được 1.694 lao động cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh¹⁷. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63,2%. Công tác hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài được quan tâm đẩy mạnh¹⁸.

Các địa phương triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 3,46% xuống còn 2,46%, giảm 1% so với cùng kỳ, đạt kế hoạch.

Tỷ lệ người tham gia BHXH so với lực lượng lao động năm 2021 là 18,08%, tăng 1,59% so với cùng kỳ. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động năm 2021 là 13,07%, tăng 0,28% so với cùng kỳ.

Các chế độ, chính sách ưu đãi đối với gia đình chính sách, người có công được tổ chức thực hiện kịp thời, đúng đối tượng và hiệu quả. Tổ chức các hoạt động thăm, họp mặt, chúc Tết Tân Sửu năm 2021, tặng quà cho các đối tượng chính sách, xã hội trên địa bàn tỉnh vào dịp Tết Nguyên đán; theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình thực hiện tiền lương, tiền thưởng Tết của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kiểm tra chặt chẽ việc triển khai thực hiện các hoạt động phục vụ Tết¹⁹. Tổ chức các Đoàn đi thăm, chúc Tết, tặng quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, người có công và tặng quà, tặng nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021²⁰.

¹⁷ Công ty TNHH Lạc Ty II 1.247 lao động, Công ty TNHH MTV Bách Mỹ Nội Y 49 lao động; Công ty TNHH MTV Giáp Quân Thăng 208 lao động.

¹⁸ Tổ chức 09 cuộc tư vấn về hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở Nhật Bản cho đối tượng bộ đội xuất ngũ năm 2021 với 972 người tham dự. Bên cạnh đó, tổ chức tuyên truyền, tư vấn hơn 30 cuộc với hơn 450 người lao động, học sinh, đoàn viên thanh niên trên địa bàn huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ tham gia. Phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành A tư vấn việc làm cho 250 học sinh khối lớp 12 nhằm tạo nguồn cho công tác hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn tại Nhật Bản. Phối hợp hỗ trợ tuyển dụng lao động đi làm việc tại Nhật Bản với 11 đơn hàng, số lượng lao động được đề nghị cung ứng 107 lao động. Khai giảng 02 lớp tiếng Nhật dự nguồn cho công tác xuất khẩu lao động với 18 học viên. Tổ chức thăm hỏi, động viên 95 hộ gia đình có người lao động đang tham gia chương trình làm việc ở nước ngoài trong đại dịch COVID-19, yên tâm học tập và làm việc; qua đó tuyên truyền sâu rộng chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và tình hình tuyển dụng lao động Việt Nam của các đối tác nước ngoài.

¹⁹ Toàn tỉnh đã tổ chức họp mặt, thăm và tặng 255.938 phần quà (năm 2020 là 256.532 phần quà) cho người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách - xã hội khác với tổng kinh phí 117.041,545 triệu đồng (năm 2020 là 106.683,625 triệu đồng), tăng hơn 10.000 triệu đồng so với Tết Nguyên đán năm 2020. Bình quân mỗi đối tượng thụ hưởng mức quà gần 1,7 triệu đồng (tăng gần 200.000 đồng so với năm 2020). Mức quà cơ bản là 500.000 đồng/phần.

²⁰ Cụ thể: bàn giao và đưa vào sử dụng 08 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo gặp khó khăn về nhà ở (mỗi căn 50 triệu đồng); tặng 4.301 phần quà cho gia đình chính sách, người có công và hộ nghèo với tổng kinh phí tặng quà và tặng nhà 2.320,4 triệu đồng. Trong đó, các Đoàn Lãnh đạo tỉnh đến tận nhà thăm, chúc Tết, tặng 134 phần quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, thương binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên. Đi thăm, chúc thọ, mừng thọ đối với 58 cụ tròn 100 tuổi và 769 cụ tròn 90 tuổi trên địa bàn tỉnh với số tiền 624,715 triệu đồng. Ngoài ra, các địa phương trên địa bàn tỉnh đồng loạt tổ chức đi thăm, chúc thọ, mừng thọ 11.153 cụ tròn 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi với số tiền 3.445 triệu đồng. Đi thăm, chúc Tết, tặng quà 06 đơn vị: Trường Dạy trẻ khuyết tật tỉnh; Nhà nuôi trẻ mồ côi Hoa Mai Vị Thanh; Nhà nuôi trẻ mồ côi Hoa Mai Cần Thơ (Châu Thành A); Trung tâm Công tác xã hội tỉnh; Cơ sở Cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ; Trung tâm Công tác xã hội thành phố Cần Thơ với số tiền 44 triệu đồng. Tặng 600 phần quà với số tiền 600 triệu đồng cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. tặng 300 phần quà cho các thương bệnh binh, người có công với cách mạng đang nằm điều trị tại các Bệnh viện, Trung tâm Y tế trong tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 với số tiền 150 triệu đồng.

Triển khai chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh kịp thời, đúng đối tượng. Tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2021, Tỉnh đã giải quyết hồ sơ hỗ trợ cho 2.477 doanh nghiệp/hộ kinh doanh và 88.210 người, với số tiền là 93,76 tỷ đồng. Đồng thời, Tỉnh đã hỗ trợ cho các đối tượng đặc thù của Tỉnh là 2.248 người, với tổng số tiền 1,85 tỷ đồng (chi hỗ trợ tiền ăn cho hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội, người có công và thân nhân người có công với cách mạng trong khu phong tỏa); hỗ trợ hộ nghèo gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch COVID-19 là 6.330 hộ, với số tiền là 6,33 tỷ đồng từ nguồn quỹ phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của Trung ương và Tỉnh hỗ trợ. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hậu Giang tổ chức Tọa đàm “Quyết tâm sớm đưa tiền hỗ trợ đến người dân” để tuyên truyền sâu, rộng hơn Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và giúp các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận chính sách một cách nhanh nhất. Bên cạnh đó, Tỉnh hỗ trợ, tổ chức đón 214 công dân của tỉnh Hậu Giang từ Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận có nguyện vọng trở về địa phương, lũy kế đã đón 236 công dân của Tỉnh.

b) Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Các giải pháp nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu được chỉ đạo và thực hiện khá tốt. Tỉnh đã triển khai thực hiện các dự án, đề án phục vụ thiết thực cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu; đã thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công bố công khai quy hoạch sử dụng đất các công trình, dự án trọng điểm, giải phóng mặt bằng giao đất theo quy định. Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đạt 99,9%, tình trạng tranh chấp đất đai giảm so với cùng kỳ. Đang hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025) tỉnh Hậu Giang và đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030.

Các chương trình, dự án về xử lý rác thải được triển khai trong cộng đồng, các địa phương đã triển khai nhân rộng mô hình thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình trong xây dựng xã nông thôn mới. Đã khởi công dự án nhà máy điện rác Hậu Giang có tổng diện tích hơn 23 ha, tổng vốn đầu tư trên 1.320 tỷ đồng.

Các địa phương đã triển khai Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức thực hiện hoàn thành công tác quan trắc môi trường năm 2021. Nhiều chỉ tiêu quan trọng về môi trường đạt kết quả tích cực và tăng so với cùng kỳ, tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch đạt 83%, tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đạt 96%, tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thu gom và xử lý đạt 88%, tỷ lệ xử lý chất thải rắn và chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn 100%. Trong năm, các địa phương đã triển khai nhiều dự án ứng phó với biến đổi khí hậu như Hồ nước ngọt, đê bao, thủy lợi, dự án kè chống sạt lở.

12. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng

Năm 2021, các cuộc thanh tra được triển khai sớm và đồng đều hơn, khắc phục được tình trạng chồng chéo. Nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm. Qua công tác thanh tra, đã kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những mặt còn hạn chế của các đơn vị, đồng thời phát hiện những sai phạm, thu hồi về ngân sách nhà nước, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật nhằm giáo dục, răn đe, đưa công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực từng bước đi vào nề nếp, chỉnh sửa được nhiều bất cập, hạn chế trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội ở địa phương.

Các cấp, các ngành tập trung giải quyết khá kịp thời các khiếu nại, tố cáo. Việc trả lời và giải quyết các ý kiến của cử tri qua tổ chức đối thoại định kỳ được các cơ quan chức năng thực hiện khá tốt; góp phần giữ vững ổn định chính trị và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Số đơn thuộc thẩm quyền đã được giải quyết 90%, công tác thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật được thực hiện nhanh hơn. Trong quá trình giải quyết, các cấp, các ngành và người có thẩm quyền giải quyết thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đặc biệt là công tác tổ chức đối thoại với người khiếu nại bảo đảm công khai, dân chủ, phản ánh đầy đủ tình tiết, bản chất vụ việc để làm cơ sở giải quyết vụ việc một cách khách quan, đúng quy định pháp luật. Chất lượng hoạt động Đoàn Công tác liên ngành giải quyết khiếu nại, tố cáo không ngừng được nâng lên. Các kết luận, văn bản, quyết định giải quyết được theo dõi, đôn đốc thực hiện kịp thời từ đó hạn chế thấp nhất các vụ việc quá hạn.

Trong năm 2021, các ngành, các cấp trên địa bàn Tỉnh đã tiếp 1.949 lượt với 1.522 công dân (giảm 962 lượt với 1.403 người so với cùng kỳ), với 1.498 vụ việc khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh. Tổng số đơn thuộc thẩm quyền là 572 đơn, trong đó có 556 đơn phát sinh mới (tăng 98 đơn so với cùng kỳ) và 16 đơn (vụ việc) kỳ trước chuyển sang. Đã giải quyết 560/572 đơn (đạt tỷ lệ 97,9%).

Các cấp, các ngành trong tỉnh đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định pháp luật. Thực hiện tốt công tác triển khai, quán triệt, tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng, xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng. Qua thanh tra giải quyết khiếu nại tố cáo, của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện hành vi tham nhũng.

13. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

Công tác cải cách hành chính được quan tâm chỉ đạo, hiệu quả được nâng lên. Tỉnh đã chỉ đạo các huyện thực hiện tiếp nhận và trả kết quả theo mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công cấp huyện, góp phần giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện và rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định. Trong đó đảm bảo tối thiểu 10% số lượng thủ tục hành chính được giải

quyết theo nguyên tắc “4 tại chỗ” là tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, trả kết quả tại bộ phận một cửa. Đồng thời, xây dựng kế hoạch thực hiện tăng dần theo số lượng cụ thể của từng năm; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được nhập và thực hiện thông qua hệ thống một cửa, một cửa điện tử; 100% dịch vụ công được hỗ trợ, giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 20% số thủ tục hành chính thực hiện việc trả kết quả điện tử.

Theo công bố các chỉ số cải cách hành chính (Par Index) năm 2020, Tỉnh Hậu Giang đứng thứ 28/63 tỉnh, thành phố, tăng 3 bậc so năm 2019 (năm 2019 hạng 31), đứng thứ 5/13 tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long (năm 2019 hạng 6).

Công tác cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh từng bước ổn định và hoạt động có hiệu quả; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, nghỉ hưu, nghỉ việc và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật; tổ chức tốt các kỳ thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức và giám sát việc thi tuyển viên chức đảm bảo đúng quy định của pháp luật; thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm theo Kế hoạch được phê duyệt. Phê duyệt 11 đề án sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp, Đề án sắp xếp, cơ cấu lại và tinh giản biên chế đối với các chức danh kế toán, y tế học đường tại các trường mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Đề án sắp xếp, kiện toàn các trường tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Các nhiệm vụ trong công tác bầu cử đều được chủ động triển khai thực hiện nên hầu hết các nhiệm vụ liên quan đến công tác bầu cử đều được triển khai sớm hơn so với thời gian quy định. Tổ chức tốt công tác hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đảm bảo tiêu chuẩn cơ cấu, thành phần, dân chủ đúng luật và thực hiện sớm hơn thời gian quy định; công tác tuyên truyền thực hiện tốt, với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, đã có nhiều sáng kiến, cách làm hay góp phần rất tích cực tạo nên thành công cho cuộc bầu cử, tỷ lệ cử tri đi bầu cử đạt 99,9%; công tác phòng chống dịch COVID-19 và đảm bảo an ninh trật tự được đảm bảo, đã xây dựng nhiều phương án, tình huống để chủ động thực hiện, không để bị động, bất ngờ trước trong và sau cuộc bầu cử. Kết quả đã bầu chọn được 06 đại biểu Quốc hội, 50 đại biểu HĐND tỉnh, 245 đại biểu HĐND cấp huyện và 1.921 đại biểu HĐND cấp xã.

Hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật được các cơ quan chức năng tiên hành thường xuyên, gắn với việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và công tác hòa giải cơ sở, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ và Nhân dân.

14. Hoạt động đối ngoại và liên kết vùng

Tỉnh đã tích cực triển khai công tác đối ngoại, bám sát quan điểm chỉ đạo của Trung ương, công tác đối ngoại được thực hiện có trọng tâm, tiếp tục phát triển mối quan hệ của tỉnh với các địa phương, tổ chức nước ngoài. UBND tỉnh đã tổ chức đoàn đến thăm và làm việc với cơ quan đại diện, tổ chức nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa hai bên, tăng cường hiểu biết và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại. Tham gia các hoạt động liên kết kinh tế vùng tứ giác Long Xuyên, đề xuất với Chính phủ đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh mang tính liên vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hoạt động đối ngoại đã góp phần quảng bá hình ảnh, tiềm năng và cơ hội đầu tư của tỉnh đến các doanh nghiệp trong và ngoài nước, thu hút nguồn tài trợ để triển khai các chương trình, dự án của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

15. Quốc phòng - an ninh

Chỉ đạo tổ chức, hoàn thành công tác diễn tập khu vực phòng thủ huyện: Châu Thành và Châu Thành A.

Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự xã hội được đảm bảo; lực lượng Công an, Quân sự phối hợp nắm chặt tình hình, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, các ngày lễ, kỷ niệm, đặc biệt là Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, các Đoàn công tác của Trung ương đến thăm và làm việc tại tỉnh, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; hoàn thành công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2021; tổ chức đón rước quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu; hoàn thành công tác huấn luyện diễn tập theo kế hoạch. Lực lượng vũ trang tỉnh đã làm tốt công tác tuyên truyền phòng, chống dịch và trực tiếp tham gia công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh, phối hợp cùng các ngành chức năng triển khai tốt công tác tiếp nhận cách ly y tế, đảm bảo an toàn sức khỏe cho Nhân dân.

An ninh chính trị trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo, các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm được tăng cường, tai nạn giao thông được kéo giảm²¹.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Được sự lãnh đạo sâu sát, tập trung, đúng hướng của Tỉnh ủy, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, UBND tỉnh bám sát các chủ trương, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, chủ động quyết liệt trong chỉ đạo điều hành phù hợp với thực tiễn. Thực hiện hiệu quả mục tiêu kép vừa phòng, chống đại dịch COVID-19 vừa duy trì phát triển sản xuất kinh doanh, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có những chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng là:

²¹ Phát hiện 249 vụ tội phạm về trật tự xã hội, giảm 21 vụ so với cùng kỳ (giảm 7,8%); đã điều tra làm rõ 237 vụ, bắt và xử lý 511 đối tượng, tỷ lệ điều tra làm rõ đạt 95,2%. Toàn tỉnh xảy ra 43 vụ tai nạn giao thông, làm chết 36 người, bị thương 15 người; so cùng kỳ, số vụ giảm 09, số người chết giảm 02, số người bị thương giảm 05.

(1) UBND tỉnh đã chủ động ban hành và chỉ đạo các ngành và địa phương triển khai thực hiện 4/5 chương trình phát triển kinh tế - xã hội ngay từ đầu năm, cụ thể: Chương trình hành động phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025; Chương trình hành động về bảo vệ môi trường tỉnh Hậu Giang 5 năm (2021 - 2025); Chương trình phát triển công nghiệp và logistics tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025; Chương trình cải cách hành chính và xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025.

(2) Tỉnh đã chủ động, triển khai quyết liệt, hiệu quả và kịp thời các giải pháp phòng, chống dịch COVID-19 do đó tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát²²; đồng thời, hỗ trợ kịp thời các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội.

(3) Mặc dù ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch COVID-19, đặc biệt là trong quý III năm 2021 nhưng tăng trưởng kinh tế của tỉnh cả năm vẫn tăng trưởng dương 2,5%, thu nhập bình quân đầu người đạt 54,15 triệu đồng/năm, tăng hơn 2 triệu đồng so với cùng kỳ, đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện.

(4) Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn, thách thức nhưng nhìn chung nông nghiệp đã vươn lên như một điểm sáng, tăng trưởng 3,28%, đây là mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm qua; năng suất, sản lượng lương thực, rau màu, cây ăn trái, thủy sản đều tăng từ 3 - 5% so với cùng kỳ.

(5) Lĩnh vực công nghiệp tiếp tục tăng trưởng; số lượng dự án thu hút đầu tư trong nước tăng; số lượng doanh nghiệp đang hoạt động tăng khá, cho thấy môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện; thu ngân sách đạt khá; đầu tư công tiếp tục được tái cơ cấu. Công tác phát triển đô thị có bước phát triển, số dự án đầu tư phát triển nhà ở đô thị tăng nhanh. Một số ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử bước đầu có những kết quả tích cực.

(6) Chỉ số PCI năm 2020 của tỉnh đứng vị trí thứ 39/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, tăng 3 bậc so với năm 2019 và đứng vị trí thứ 7/13 của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX đứng vị trí thứ 28/63 tỉnh, thành phố, tăng 3 bậc so năm trước; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI đứng vị trí 19/63 tỉnh thành phố, tăng 39 bậc so năm trước; Chỉ số hài lòng của người dân SIPAS đứng vị trí thứ 10/63 tỉnh, thành phố, tăng 8 bậc so năm trước; chuyển đổi số xếp thứ 28/63 tỉnh, thành phố; chỉ số Vietnam Ict Index tăng 15 bậc, xếp thứ 32/63 tỉnh, thành phố.

(7) Tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội được bảo đảm, số vụ tội phạm và tai nạn giao thông giảm so với cùng kỳ, công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền và đấu tranh phòng, chống tham nhũng được chú trọng.

Bên cạnh những mặt đạt được, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn một số tồn tại và khó khăn chủ yếu là:

²²Tính đến ngày 08/7/2021, tỉnh Hậu Giang là tỉnh sau cùng tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long ghi nhận ca mắc COVID-19.

(1) Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, một số hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh bị gián đoạn, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất công nghiệp và khu vực dịch vụ, công nghiệp chỉ tăng 5,81%, dịch vụ chỉ tăng 0,56%, ảnh hưởng đến quy mô nền kinh tế của tỉnh.

(2) Việc phân phối các mặt hàng nông, thủy sản gặp nhiều khó khăn trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, nhất là khi một số chợ truyền thống ngưng hoạt động ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ và phân phối nông sản. Việc ký kết hợp đồng bao tiêu giữa nông dân và các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế. Mặc dù, chưa ghi nhận tình trạng tồn đọng số lượng lớn nhưng sức tiêu thụ và giá cả một số loại nông, thủy sản có giảm so với cùng kỳ, số lượng các vụ thu mua trái cây tạm ngưng hoạt động nên gây tồn đọng một số mặt hàng trái cây, rau màu...

(3) Dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, nguy cơ lây nhiễm gia tăng, nhất là nguồn lây nhiễm từ các tỉnh, thành giáp ranh, người dân đi làm ăn xa nay trở về địa phương, tạo áp lực lớn đối với Tỉnh và công tác phòng, chống dịch COVID-19.

(4) Một số dự án đầu tư hạ tầng bị gián đoạn, chậm giải ngân. Cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ, thiếu quỹ đất sạch, gây khó khăn cho việc thu hút đầu tư.

(5) Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn. Tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội ở một số địa bàn còn diễn biến phức tạp, số đơn thư khiếu nại tố cáo tăng so với cùng kỳ.

Phần hai

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2022

Năm 2022, kinh tế trong nước dần phục hồi sau ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Trong tỉnh, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu rất lớn nhưng nguồn lực của tỉnh vẫn còn rất hạn hẹp, là những yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và đời sống của Nhân dân. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã và thành phố triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 với mục tiêu, chỉ tiêu và các giải pháp chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

1. Mục tiêu:

"Tiếp tục thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, tập trung phục hồi sản xuất kinh doanh; ưu tiên bố trí vốn, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ, các hoạt động văn hóa, an sinh xã hội; cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội."

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022

a) Lĩnh vực kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP tăng 8%, trong đó, khu vực I tăng 3%, khu vực II tăng 16,79%, khu vực III tăng 6,33%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,9%.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng/người, tương đương 2.609 USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ.

(3) Cơ cấu kinh tế khu vực I: 25,29%, khu vực II: 27,19%, khu vực III: 38,17%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 9,36%. Tỷ trọng của khu vực I giảm 1,33% so với cùng kỳ.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn theo giá hiện hành 18.600 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ.

(5) Tổng thu ngân sách nhà nước 9.002 tỷ đồng, trong đó thu trên địa bàn 4.800 tỷ đồng (thu nội địa 4.300 tỷ đồng, thu thuế xuất nhập khẩu 500 tỷ đồng).

(6) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 1.058 triệu USD, tăng 9,18% so với cùng kỳ; trong đó kim ngạch xuất khẩu và dịch vụ thu ngoại tệ 768 triệu USD, tăng 25,7% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu 290 triệu USD, bằng 81% so với cùng kỳ.

(7) Số doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế 2.950 doanh nghiệp, tăng 7% so với cùng kỳ.

b) Lĩnh vực văn hóa - xã hội

(8) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 6,08‰.

(9) Tỷ lệ đô thị hóa 29,7%, tăng 0,7% so với cùng kỳ.

(10) Giảm tỷ lệ hộ nghèo 1%/năm trở lên.

(11) Số lao động được tạo việc làm mới là 15.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo 65%, tăng 1,81% so với cùng kỳ.

(12) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 82,19% tổng số trường; số sinh viên trên 10.000 người dân là 210 sinh viên.

(13) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10,5%, bằng 98,22% so với cùng kỳ; số bác sĩ trên 10.000 người dân là 9 bác sĩ, tăng 0,34 bác sĩ so với cùng kỳ; số giường bệnh trên 10.000 người dân là 35,5 giường, tăng 0,1 giường so với cùng kỳ; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 92,81%, tăng 1,2% so với cùng kỳ.

(14) Xây dựng công nhận mới 2 xã nông thôn mới, nâng tổng số xã nông thôn mới lên 36/51 xã, đạt 70,6% tổng số xã; công nhận mới 3 xã nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số xã nông thôn mới nâng cao lên 8/36 xã, đạt 22,2% tổng số xã.

c) Tài nguyên, môi trường

(15) Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch 97%, tăng 1% so với cùng kỳ. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch 83,5%, tăng 0,5% so với cùng kỳ.

(16) Tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thu gom và xử lý 90%, tăng 2% so với cùng kỳ.

d) Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

(17) Xây dựng lực lượng quân sự, công an chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt đúng theo quy định của Quân khu. Hoàn thành tốt công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh và công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ.

(18) Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh công tác cải cách tư pháp, kiểm chế sự gia tăng của tội phạm; kéo giảm tai nạn giao thông.

II. DỰ KIẾN MỘT SỐ NGUỒN LỰC NĂM 2022

1. Lao động và việc làm

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên dự kiến khoảng 400.117 người. Số lao động dự kiến đang làm việc là 389.244 người, giảm 0,25% so với năm trước (976 người). Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp dự kiến là 42,3%; công nghiệp và xây dựng là 23%; dịch vụ là 34,7% (Lao động khu vực I giảm 1% so với năm trước).

2. Về khả năng cân đối ngân sách

Tổng thu NSNN trên địa bàn 9.002 tỷ đồng, bằng 79,98% so với cùng kỳ, trong đó: thu nội địa 4.300 tỷ đồng, thuế xuất nhập khẩu 500 tỷ đồng. Tổng chi 7.954 tỷ đồng, bằng 81,55% so với cùng kỳ, trong đó, chi đầu tư phát triển 3.208 tỷ đồng. Năm 2022, tỷ lệ thu nội địa trên địa bàn/chi ngân sách địa phương vẫn còn mất cân đối, do đó tiếp tục được bổ sung từ ngân sách Trung ương.

3. Dự báo huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn

Khả năng huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2022 khoảng 18.600 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ, dự kiến các nguồn vốn sau:

(1) Các nguồn vốn thuộc NSNN khoảng 3.500 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, chiếm 18,8% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

(2) Vốn khu vực ngoài nhà nước 13.940 tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ, chiếm 75% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

(3) Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 1.160 tỷ đồng (khoảng 50 triệu USD), tăng 5% so với cùng kỳ, chiếm 6,2% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu kép, vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

- Triển khai hiệu quả công tác phòng, chống dịch COVID-19, tiếp tục tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 cho Nhân dân để đẩy nhanh độ bao phủ vắc xin phòng COVID-19. Nâng cao khả năng phòng ngừa, chống chịu và khắc phục rủi ro của người dân; phát huy vai trò của mạng lưới y tế cơ sở, tổ y tế lưu động, tổ COVID-19 cộng đồng trong phòng, chống dịch COVID-19.

- Tăng cường công khai, minh bạch trong giải quyết các công việc cho các nhà đầu tư, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu của các sở, ngành và địa phương về thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong thực hiện các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, cải thiện hiệu quả thực thi pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ cho sự phục hồi bền vững của các doanh nghiệp trong quá trình ứng phó với tác động của đại dịch COVID-19.

- Công bố rộng rãi, đầy đủ và kịp thời thông tin về quy hoạch, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng, sớm đưa các dự án đầu tư vào hoạt động, nhất là các dự án ở khu, cụm công nghiệp, Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án nhà ở và các công trình trọng điểm đầu tư công.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, xây dựng lộ trình mở từng bước để kiểm tra tính an toàn, điều chỉnh dần cho phù hợp theo nguyên tắc trao quyền tự chủ cho đơn vị sản xuất, kinh doanh triển khai mô hình hoạt động phù hợp đặc thù của đơn vị và chịu trách nhiệm về các yêu cầu an toàn phòng, chống dịch COVID-19.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư với các nền tảng thương mại điện tử để giải quyết các vấn đề về hàng hóa nông sản trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối cung cầu hàng hóa, hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh quảng bá, giới thiệu sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, nhất là các mặt hàng nông sản.

2. Phát triển công nghiệp - logistics

a) Về công nghiệp

- Tập trung nguồn lực nhanh chóng triển khai các giải pháp đồng bộ cho công tác tạo quỹ đất sạch cho phát triển công nghiệp; đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Với khẩu hiệu hành động của Tỉnh là “2 nhanh” và “3 tốt”, đó là “nhanh giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư”; 3 tốt là “cơ hội tốt, chính sách tốt, hạ tầng tốt”.

- Triển khai chương trình thu hút, phát triển doanh nghiệp đầu tư mới là thành tố quan trọng trong phát triển công nghiệp. Lấy năm 2022 là năm doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang, với quan điểm “Doanh nghiệp đến, Hậu Giang vui”. Xây dựng danh mục ưu tiên doanh nghiệp đầu tư với mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư.

- Phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng... Xây dựng chính sách, đặc biệt là hệ thống văn bản để làm cơ sở thúc đẩy hoạt động phát triển công nghiệp. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn... Thúc đẩy tiến độ các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa.

- Lập quy hoạch đầu tư mới các khu công nghiệp tại huyện Châu Thành, Châu Thành A khoảng 1.884 ha và các cụm công nghiệp huyện, thị xã, thành phố khoảng 580 ha.

- Ưu tiên phân bổ ngân sách chi đầu tư phát triển cho mục tiêu tạo quỹ đất sạch khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư hạ tầng giao thông cho các tuyến đường kết nối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh. Cụ thể ưu tiên cho:

+ Huyện Châu Thành tạo quỹ đất sạch khoảng 640 ha, trong đó: phân kỳ vốn đầu tư triển khai trước giai đoạn 1 (năm 2022), diện tích khoảng 200 ha.

+ Huyện Châu Thành A tạo quỹ đất sạch khoảng 525 ha. Trước mắt bố trí vốn bồi thường giải phóng mặt bằng 25 ha phần diện tích còn lại của khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, thực hiện trong quý I năm 2022.

- Kêu gọi một số nhà đầu tư có tiềm năng đầu tư khu công nghiệp, doanh nghiệp đầu tư dự án trả tiền thuê đất một lần cho 50 năm để giảm thiểu vốn ngân sách ứng trước.

- Xây dựng cẩm nang, giới thiệu những tiềm năng, thế mạnh và cơ hội, chính sách đầu tư gửi tới các doanh nghiệp, các thị trường trọng điểm và trên các kênh điện tử.

b) Về logistics

- Hỗ trợ các trung tâm logistics đã được cấp giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư sớm đi vào hoạt động.

- Tiếp tục triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông thủy bộ trọng yếu có tính kết nối cao, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ vận chuyển hàng hóa, như Đường tỉnh 931 (đoạn từ Vĩnh Viễn đến Xẻo Vẹt); Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối với tuyến Quản lộ Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng; dự án giao thông thủy, bộ 925B và kênh Nàng Mau.

- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp và logistics tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025.

c) Đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, hoàn thành trong năm 2022.

3. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

- Mục tiêu của tái cơ cấu nông nghiệp là phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng, tự phát sang phát triển có định hướng, tập trung, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Xây dựng 5 nông sản chủ lực, có thể mạnh, có giá trị kinh tế cao, tiêu thụ ở ba thị trường: tại chỗ, vùng miền và xuất khẩu. Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế khu vực I đạt 3%; giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 tăng 3,5%; tỷ trọng khu vực I trong cơ cấu kinh tế giảm còn dưới 25,29%.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Khuyến khích nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu...

- Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, mạng sản xuất, nhân rộng mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác. Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu từng địa bàn; chuyển đổi một phần đất trồng lúa sang cây trồng khác có hiệu quả, cao hơn hoặc làm đất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại hiệu quả cao.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác tạo đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp.

- Ưu tiên ngân sách cho lĩnh vực tái cơ cấu ngành nông nghiệp với quan điểm vốn nhà nước hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp là vốn môi, dẫn dắt, khuyến khích các thành phần tham gia.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chương trình, Đề án trong lĩnh vực nông nghiệp, như: Quy định chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh; Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025; Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030,...

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, phát triển vùng sản xuất chuyên canh, đẩy mạnh thâm canh ứng dụng công nghệ kỹ thuật mới vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao, đổi mới giống cây trồng, tiếp tục phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. Xây dựng các vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái, sản xuất lúa hữu cơ, lúa đặc sản địa phương, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Nhân rộng các mô hình canh tác lúa thông minh ứng dụng công nghệ cao, canh tác lúa đúng kỹ thuật để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ độ phì nhiêu của đất. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn kết với thị trường. Nâng cao chất lượng giống gia súc, gia cầm, thủy sản.

- Tiếp tục kêu gọi doanh nghiệp, HTX đầu tư liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên các lĩnh vực. Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của tỉnh gắn với truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng theo chuỗi. Hỗ trợ các doanh nghiệp, các HTX, các tổ hợp tác đưa các sản phẩm giới thiệu trên các sàn giao dịch nông sản.

- Tập trung chỉ đạo các địa phương tiếp tục nâng cao các tiêu chí (xã, huyện) đã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu. Đẩy mạnh các giải pháp huy động và đa dạng hóa nguồn vốn thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục hỗ trợ, đầu tư xây dựng các mô hình HTX kiểu mới điển hình để nhân rộng; hỗ trợ các HTX nông nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý HTX, xây dựng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

4. Phát triển dịch vụ và đẩy mạnh xuất khẩu

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại để nhiều sản phẩm chủ lực của tỉnh có thêm thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Đưa sản phẩm nông, thủy sản của tỉnh tiếp cận thị trường nước ngoài. Tập trung phát triển những sản phẩm đạt các tiêu chuẩn quy định, có tem truy xuất nguồn gốc.

- Phát triển nâng chất hệ thống chợ, kêu gọi đầu tư xây dựng các chợ đầu mối về hàng nông sản của tỉnh, phát triển mạng lưới dịch vụ ở nông thôn, tiếp tục triển khai hệ thống thương mại điện tử. Tổ chức các Phiên hàng Việt về nông thôn. Tổ chức Đoàn giao thương, xúc tiến thương mại giữa tỉnh Hậu Giang với các tỉnh, thành phố đã có mối quan hệ hợp tác.

- Xây dựng, phát triển 02 đến 03 sản phẩm chủ lực của tỉnh đáp ứng các tiêu chí và điều kiện cung cấp hàng hóa vào hệ thống các siêu thị lớn như: Saigon Co.op, Lotte,...Xây dựng mô hình siêu thị công đoàn tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt chương trình xúc tiến thương mại.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin về hội nhập quốc tế, nhất là các cam kết theo các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Chú trọng công tác hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Cung cấp đến doanh nghiệp những nội dung về rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại của các nước đối với hàng hóa xuất khẩu. Kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu, nhất là hàng thủ công và nông sản.

- Theo dõi diễn biến giá cả thị trường và công tác bình ổn thị trường. Tăng cường công tác quản lý thị trường, kịp thời phát hiện những trường hợp đầu cơ, gây mất cân bằng cung cầu, xử lý nghiêm những trường hợp kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng; quản lý giá bán theo giá niêm yết, xử lý các vi phạm về giá.

5. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế

- Cơ cấu lại đầu tư công theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các dự án tạo nguồn lực phát triển, các dự án kết nối vùng và liên vùng, tạo sự liên kết, hiệu ứng lan tỏa... vốn đầu tư công phải thực sự đóng vai trò dẫn dắt, là vốn mồi để thu hút tối đa các nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác theo phương châm “đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” để phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp và kết cấu hạ tầng.

- Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực đầu tư, ưu tiên các nguồn lực đầu tư công thực hiện các dự án lớn, quan trọng, các dự án có tác động lan tỏa. Dành nguồn lực thích đáng hỗ trợ giải quyết các điểm nghẽn phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch. Huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư xã hội hóa cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022, phấn đấu cuối năm giải ngân đạt trên 95% kế hoạch vốn.

- Thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước.

- Hỗ trợ chuyển đổi hộ sản xuất, kinh doanh thành doanh nghiệp.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với phát huy vai trò làm chủ, tăng lợi ích của các thành viên.

- Xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh. Xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi để thu hút được các nhà đầu tư chiến lược.

6. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và phát triển đô thị

- Tập trung nguồn lực để chuẩn bị kết nối tốt nhất vào hệ thống đường cao tốc Quốc gia. Các dự án kết nối vùng và liên vùng; kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu, cụm công nghiệp.

- Phát triển đô thị: Xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, theo hướng hiện đại, tiếp cận các tiêu chuẩn đô thị xanh, đô thị văn minh đối với các đô thị trọng điểm. Đồng thời, tập trung nguồn lực để đầu tư các tuyến đường giao thông trọng yếu tại các đô thị, khu vực có lợi thế về thu hút đầu tư để khai thác quỹ đất (hai bên đường) có hiệu quả, nhằm tái tạo nguồn lực tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng các đô thị, khu, cụm công nghiệp, du lịch và tái cơ cấu nông nghiệp hiệu quả, bền vững.

- Hoàn thành phê duyệt 02 đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A để làm cơ sở tích hợp vào Quy hoạch tỉnh. Rà soát các đồ án quy hoạch chung đô thị, các đồ án quy hoạch có tính chất liên vùng huyện để có kế hoạch điều chỉnh, lập mới cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Triển khai Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh xây dựng đô thị Cái Tắc đến năm 2025 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Tăng tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị để quản lý và kêu gọi đầu tư phát triển đô thị được đồng bộ. Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh. Cùng cố, nâng chất các tiêu chí của các đô thị. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ theo hướng phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, hiện đại.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ (giai đoạn 2); xây dựng các chương trình phát triển nhà ở.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực đầu tư xây dựng cho các tổ chức, cá nhân, giám sát, kiểm tra và thực hiện; đồng thời, tăng cường quản lý hoạt động xây dựng, chất lượng công trình xây dựng, quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan và mỹ quan đô thị; quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, phát triển đô thị, nhà ở và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

7. Quản lý, sử dụng tài chính có hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng

- Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Rà soát, cơ cấu lại một số khoản chi bảo đảm hợp lý, cắt, giảm những nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết. Có các giải pháp mạnh để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng vốn đầu tư công cho các dự án quan trọng tạo động lực phát triển.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành thu ngân sách nhà nước, tập trung tháo gỡ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phát triển ổn định, góp phần nuôi dưỡng nguồn thu và tăng

nguồn thu bền vững cho NSNN; xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề ra các giải pháp quản lý thu có hiệu quả; phối hợp đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu ngân sách, thu hồi nợ đọng, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức dự toán được giao cả năm. Thực hiện tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế ở tất cả các khâu, các bộ phận và các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế; biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế; nâng cao chất lượng tổ chức hội nghị đối thoại lắng nghe ý kiến người nộp thuế.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện giải pháp tăng cường huy động vốn, mở rộng tín dụng có hiệu quả song song với nâng cao chất lượng tín dụng; hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất; hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia của Chính phủ, các Chương trình, Đề án trọng tâm của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác xử lý nợ tiềm ẩn rủi ro, nợ xấu. Phối hợp với các cơ quan hữu quan trên địa bàn trong việc tăng cường xử lý hoạt động tín dụng đen; phòng, chống rửa tiền. Tiếp tục triển khai Chương trình Kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong triển khai các chương trình tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn vay. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với việc thu phí các dịch vụ công.

8. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế

- Triển khai các hoạt động về chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe tiến tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế, giảm chênh lệch giới tính khi sinh, tăng cường công tác sàng lọc trước sinh, nâng cao chất lượng dân số. Nâng cao năng lực, đổi mới công tác giám định bảo hiểm y tế để bảo đảm khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, cơ sở y tế.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng mua thẻ bảo hiểm y tế, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên 92%. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, đảm bảo thông tin bảo hiểm y tế và trích chuyển dữ liệu theo sự chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Y tế. Triển khai thực hiện phần mềm quản lý y tế cơ sở và hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh, hướng tới thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử. Phát triển hệ thống thông tin y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe.

9. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất để phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; củng cố, phát triển hệ thống trường lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương; trong đó đặc biệt dành nguồn kinh phí đầu tư sửa chữa nâng cấp các trường đã đạt chuẩn để công nhận lại và xây dựng trường mới; đảm bảo lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển giáo dục của tỉnh vào kế hoạch và ngân sách của các cấp, các ngành.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo đặc biệt trong thực hiện chương trình phổ thông và sách giáo khoa mới.

- Thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh, công tác hướng nghiệp. Quy hoạch lại mạng lưới trường lớp học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương, đồng thời đáp ứng yêu cầu của Đề án thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, chất lượng giáo dục toàn diện. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy và học tập. Tăng cường giám sát các cơ sở giáo dục, đặc biệt các nhóm trẻ, mẫu giáo tư thục thực hiện các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, đảm bảo an toàn trường học và phòng, chống bạo lực học đường.

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ. Nhân rộng các mô hình có giá trị thực tiễn vào lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị với các lĩnh vực nghiên cứu khác. Theo dõi tiến độ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyển tiếp và triển khai mới các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2022. Tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, triển khai, trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa kết quả. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

- Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hậu Giang theo Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Ưu tiên xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sự tham gia của doanh nghiệp để thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, công nghệ thông tin, cơ khí, tự động hóa phục vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu triển khai phục vụ trực tiếp các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chú trọng lồng ghép việc thực hiện nhiệm vụ thuộc các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ để giải quyết mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết giữa các địa phương, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hình thức PPP để huy động doanh nghiệp tham gia phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của vùng theo chuỗi giá trị.

- Thực hiện các đề án: Chuyển đổi số trong các hoạt động khoa học và công nghệ; tăng cường tiềm lực phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phát triển doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao. Nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm.

10. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông

a) Lĩnh vực văn hóa

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền và tổ chức các hoạt động chào mừng, kỷ niệm các sự kiện của tỉnh và đất nước trong năm 2022.

- Tham gia các cuộc hội thi, hội diễn cấp khu vực và toàn quốc; tổ chức các cuộc hội thi, hội diễn cấp tỉnh.

- Tích cực tuyên truyền vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Hôn nhân và Gia đình, ngăn chặn không để xảy ra tình trạng bạo lực gia đình, bạo hành trẻ em.

b) Lĩnh vực thể dục thể thao

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030, khuyến khích mọi người dân tự chọn cho mình một môn thể thao ưa thích để luyện tập.

- Triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức Đại hội thể dục thể thao tỉnh Hậu Giang lần thứ VIII năm 2022, tham gia Đại hội thể thao toàn quốc năm 2022.

- Tăng cường công tác xã hội hóa trong lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao, vận động toàn xã hội từng bước xây dựng cơ sở vật chất, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao, tổ chức quản lý khai thác có hiệu quả những cơ sở hiện có, đáp ứng nhu cầu tập luyện và thi đấu cho Nhân dân.

- Tổ chức tốt giải Marathon quốc tế “Mekong Delta Marathon” tỉnh Hậu Giang năm 2022.

- Tiếp tục đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao cho các tuyển năng khiếu, trẻ và đội tuyển. Tham dự các giải thể thao cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế. Tổ chức một số giải thể thao cấp tỉnh nhằm chào mừng các ngày Lễ lớn của đất nước.

c) Lĩnh vực du lịch

- Tập trung xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, mang đặc trưng của Tỉnh. Triển khai các nhiệm vụ và bố trí nguồn ngân sách hiện thực hóa 2 điểm nhấn du lịch vươn tầm khu vực và cả nước. Đầu tư kết cấu hạ tầng cho hoạt động du lịch, nhất là giao thông. Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách phát triển du lịch phù hợp điều kiện của Tỉnh. Tạo lập cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển du lịch của tỉnh.

- Tiếp tục triển Đề án tạo dựng hình ảnh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án du lịch sinh thái Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng; Kế hoạch quảng bá, xúc tiến du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2024 và Kế hoạch số 715/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh thực hiện quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2024.

- Xây dựng Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Hậu Giang. Triển khai thực hiện Thỏa thuận liên kết hợp tác phát triển du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành đồng bằng sông Cửu Long và Cụm liên kết hợp tác phát triển du lịch phía Tây đồng bằng sông Cửu Long. Phần đầu năm 2022 thu hút 400.000 lượt khách tham quan du lịch.

d) Lĩnh vực thông tin truyền thông

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ hướng tới kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Thực hiện chế độ một cửa, một đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của người dân, doanh nghiệp liên quan đến kinh tế số và xã hội số.

- Tích cực và đẩy nhanh hơn việc hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực ưu tiên, như: y tế, giáo dục,... ban hành Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025.

- Mở rộng và phát triển mạng lưới, phát triển các loại hình dịch vụ bưu chính phù hợp, đa dạng hóa, cung cấp tất cả các dịch vụ đến các điểm phục vụ, chú trọng tới phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ tài chính và các dịch vụ ứng dụng trên nền công nghệ thông tin đảm bảo tính đồng bộ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng của người dân, phát triển mạng chuyển phát an toàn tiện lợi và văn minh.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, đảm bảo việc kết nối ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh. Tăng cường triển khai việc cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng đến khu vực nông thôn (khu vực ấp, xã), đảm bảo nhu cầu phát triển thuê bao, cung cấp dịch vụ Internet băng rộng tới mọi người dân, phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử trên cơ sở cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. Hoàn thành chương trình thí điểm đô thị thông minh, cấu phần công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phần đầu đạt tỷ lệ 100% các sở, ban, ngành sử dụng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh LGSP, 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phần đầu đạt tỷ lệ 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến cấp độ 3, 4.

11. Đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Về phát triển thị trường lao động, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có tay nghề cao, chuyên môn sâu, thích ứng với nhu cầu lao động của thị trường và xã hội góp phần nâng cao năng suất lao động xã hội.

- Tiếp tục tăng cường hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh. Hỗ trợ hoạt động đào tạo nghiệp vụ cho hệ thống cộng tác viên làm công tác tạo nguồn ở địa phương. Hỗ trợ thông tin tuyên truyền về hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhằm kịp thời cung cấp thông tin về các chính sách và thị trường lao động nhanh chóng đến với người lao động.

- Thực hiện đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn lao động, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh. Gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp được đào tạo lực lượng lao động tại doanh nghiệp.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động; hỗ trợ tạo việc làm, khởi nghiệp cho người lao động, nhất là các nhóm lao động yếu thế, người dân tộc, người khuyết tật, người nghèo; thực hiện hiệu quả hoạt động cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp; tăng nhanh diện phủ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là BHXH tự nguyện. Phần đầu tỷ lệ người tham gia BHXH so với lực lượng lao động năm 2022 là 20,14%. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động năm 2022 là 13,88%.

b) Lĩnh vực người có công

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong thực hiện các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”: Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc người có công với cách mạng và phong trào “Toàn dân chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng”, ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” nhằm góp phần chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng. Thực hiện tốt phong trào chăm sóc, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống; mở rộng việc vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhận chăm sóc các thương binh, gia đình liệt sĩ gặp khó khăn trong cuộc sống. Phần đầu trong mọi hoàn cảnh, nhất là trong tình hình kinh tế, xã hội đang có nhiều tác động bất lợi đến an sinh xã hội như hiện nay để người có công và gia đình họ vẫn bảo đảm ổn định cuộc sống.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác người có công: Thực hiện chi trả đúng, đủ và kịp thời các chế độ chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ người có công, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm trong thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

- Chăm sóc tốt Nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ; UBND cấp huyện rà soát, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung thực hiện tốt công tác đưa, đón người có công với cách mạng đi tham quan, điều dưỡng tập trung; đảm bảo phục vụ tốt việc chăm sóc sức khỏe, tham quan, nghỉ dưỡng đối với người có công.

c) Thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội

- Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh nhằm cụ thể hóa các chính sách của Đề án “Thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025”²³.

²³ (1) Hỗ trợ giảm nghèo, trong đó ưu tiên hộ không có khả năng thoát nghèo, hộ nghèo, cận nghèo có thành viên đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội; khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo vươn lên thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo do phát sinh khó khăn đột xuất; (2) Hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ cho hệ thống cộng tác viên làm công tác tư vấn đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; (3) Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động tại doanh nghiệp...

- Thực hiện toàn diện, hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo để nâng cao chất lượng cuộc sống, vật chất và tinh thần của hộ nghèo, người nghèo được tiếp cận, đáp ứng các yêu cầu thiết yếu về dịch vụ trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin, đảm bảo phù hợp theo các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều. Thực hiện tốt công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách ưu đãi người có công và bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tạo điều kiện cho người nghèo có ý thức vượt khó, chủ động phát huy nội lực để vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch trợ giúp người khuyết tật, người cao tuổi. Giải quyết kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách bảo trợ xã hội theo quy định, nhất là công tác điều chỉnh, nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế, thực hiện phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập theo hướng trợ giúp toàn diện, bền vững, bảo đảm nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội và đáp ứng nhu cầu trợ giúp của người dân, góp phần đẩy mạnh phát triển công tác xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường truyền thông vận động với nhiều hình thức phong phú đa dạng cả chiều rộng lẫn chiều sâu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em đến các đoàn thể xã hội, nhà trường, cộng đồng dân cư và gia đình trẻ em cùng chung tay thực hiện, phát động các cuộc vận động góp Quỹ bảo trợ trẻ em. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách đối với trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em, trong đó tập trung vào hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em để bảo đảm trẻ em bị xâm hại và trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi được hỗ trợ, can thiệp kịp thời. Giảm dần số trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực.

- Quan tâm xây dựng và triển khai các mô hình hỗ trợ phụ nữ nâng cao năng lực, cơ hội tiếp cận với các nguồn lực và dịch vụ việc làm, phát triển kinh tế như hỗ trợ phụ nữ tham gia học nghề trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; kết nối với các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động để hỗ trợ giới thiệu việc làm cho lao động nữ sau khi kết thúc khóa đào tạo; tổ chức tư vấn nhóm, tư vấn việc làm lưu động, sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm; mô hình về ký thỏa thuận với các doanh nghiệp cam kết thực hiện bình đẳng giới, phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, mô hình hỗ trợ đào tạo các ngành nghề phù hợp và kết nối giới thiệu việc làm, hỗ trợ sinh kế cho lao động nữ ở những địa bàn bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các xã, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các xã, ấp đặc biệt khó khăn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Thúc đẩy bình đẳng giới, tăng quyền và cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển cho phụ nữ, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; Nâng cao năng lực và nhận thức về bình đẳng giới để tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái trong tiếp cận dịch vụ xã hội, góp phần phát triển bền vững.

d) Về bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ môi trường, triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án nước sạch, trạm xử lý nước thải, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở các trung tâm đô thị.

- Triển khai, quán triệt Luật Bảo vệ môi trường, Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động về bảo vệ môi trường tỉnh Hậu Giang 5 năm (2021 - 2025) .

- Tổ chức thực hiện Quan trắc môi trường năm 2022, thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Tổ chức vận hành 3 trạm quan trắc nước mặt, 01 trạm không khí, phần mềm tiếp nhận dữ liệu quan trắc đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật dữ liệu quan trắc tự động giai đoạn 2. Tổ chức tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc tự động, liên tục do các cơ sở, doanh nghiệp truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Giám sát chặt chẽ các nguồn thải, đặc biệt là các nguồn thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Kiên quyết không cho phép cơ sở đi vào hoạt động khi công trình bảo vệ môi trường chưa được xây lắp hoàn thiện theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, chưa đáp ứng xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai và các văn bản có liên quan nhằm nâng cao nhận thức về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Thực hiện kịp thời những thủ tục liên quan đến đất đai của các dự án đầu tư.

đ) Phòng chống thiên tai, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và các vấn đề môi trường; nâng cao năng lực, chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tranh thủ các nguồn vốn để phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi, tập trung đầu tư từng vùng sản xuất gắn với các mô hình sinh kế nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và tăng thu nhập của người dân trong vùng, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, đẩy mạnh phát triển rừng.

- Tăng cường công tác bảo vệ, đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão trong hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về con người, tài sản khi có thiên tai. Đảm bảo an toàn điện, hạn chế mức thấp nhất sự cố lưới điện hoặc tai nạn điện trên địa bàn tỉnh trong mùa mưa bão.

- Giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong hoạt động công nghiệp và năng lượng thông qua khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các phương án cứu trợ khi có thiên tai xảy ra, dự trù nguồn kinh phí hỗ trợ, tổ chức các điểm giữ trẻ mùa lũ, thực hiện kịp thời các chính sách xã hội sớm khắc phục hậu quả do thiên tai như lũ lụt, sạt lở, đông lốc,... sớm ổn định cuộc sống Nhân dân.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ dịch bệnh và phối hợp xử lý các vấn đề về môi trường trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai.

12. Giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng, chống tham nhũng lãng phí, xây dựng bộ máy chính quyền

- Tập trung giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo; tổ chức tốt công tác đối thoại; góp phần giữ vững ổn định chính trị và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Phần đầu giải quyết đạt từ 90% trở lên số đơn thuộc thẩm quyền; chú trọng việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

- Triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Thực hiện kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ; xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tập trung chỉ đạo và xử lý nghiêm, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng, lãng phí; những hành vi lợi dụng chống tham nhũng để vu khống, tố cáo sai sự thật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành án.

- Tiếp tục xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong khu vực công có đủ phẩm chất, năng lực thi hành công vụ. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan; tăng cường thanh tra, kiểm tra, phát hiện chấn chỉnh, xử lý kịp thời các thiếu sót, vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc thực hiện chính sách, pháp luật của các tổ chức, cá nhân; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo và những bức xúc của Nhân dân. Tích cực điều tra làm rõ các phản ánh, tố cáo của Nhân dân, kịp thời khen thưởng người tố cáo đúng và có biện pháp bảo vệ những người tố cáo.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về nhiệm vụ đột phá trong công tác xây dựng thể chế, chính sách trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

13. Nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại và liên kết vùng

Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Tạo môi trường ổn định để xây dựng và phát triển Tỉnh; tiếp tục tìm hiểu, thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác với một số đối tác phù hợp; phát huy vai trò và huy động nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài góp phần xây dựng và phát triển Tỉnh. Tích cực tham gia thực hiện liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp, đặc biệt là thành phố: Hồ Chí Minh, Cần Thơ, tỉnh: Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, mời gọi đầu tư từ Hà Nội và một số tỉnh trong nước.

14. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

- Xây dựng củng cố thể trận an ninh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân vững chắc, thường xuyên vận hành cơ chế hoạt động tạo tiềm lực để tập trung sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

- Tăng cường công tác xây dựng lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh, chủ động xử lý các tình huống, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Gắn kết phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh.

- Chủ động tấn công mạnh các loại tội phạm, quyết tâm kiềm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, nhất là các loại tội phạm gây bức xúc trong quần chúng Nhân dân.

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đòi hỏi phải có sự nỗ lực và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp và người dân trong thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép”; từng ngành, từng cấp phải xây dựng kế hoạch chi tiết, chủ động đề ra các giải pháp tích cực, khả thi, hiệu quả; tận dụng tốt thời cơ, chủ động vượt qua mọi thách thức để đảm bảo thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2022 của tỉnh./

(Đính kèm Phụ lục chỉ tiêu)

Nơi nhận/

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu VT, NCTH.TP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên

PHỤ LỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH HẬU GIANG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 177/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	Năm 2021				KH 2022	KH 2022 so với ước TH 2021 (%)
				Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ước TH năm 2021 so với cùng kỳ (%)	Ước TH năm 2021 so với KH (%)		
1	2	3	4	5	7	8= 7/4	9= 7/5	10	11=10/7
I	LĨNH VỰC KINH TẾ								
1	GRDP giá so sánh 2010	Tỷ đồng	23.240	25.062	23.821	102,50	95,05	25.725	108,00
	- Khu vực I	Tỷ đồng	6.367	6.509	6.576	103,28	101,03	6.773	103,00
	- Khu vực II	Tỷ đồng	5.676	6.775	5.980	105,36	88,26	6.984	116,79
	+ Công nghiệp	Tỷ đồng	4.545	5.571	4.809	105,81	86,32	5.737	119,30
	+ Xây dựng	Tỷ đồng	1.131	1.204	1.171	103,54	97,22	1.247	106,50
	- Khu vực III	Tỷ đồng	8.877	9.337	8.926	100,56	95,60	9.491	106,33
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	2.321	2.441	2.339	100,75	95,80	2.477	105,90
	Tốc độ tăng trưởng (GRDP)	%	4,53	6,50	2,50			8,00	
	- Khu vực I	%	3,09	2,25	3,28			3,00	
	- Khu vực II	%	14,62	13,07	5,36			16,79	
	+ Công nghiệp	%	16,08	14,60	5,81			19,30	
	+ Xây dựng	%	8,74	6,50	3,54			6,50	
	- Khu vực III	%	1,41	5,50	0,56			6,33	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	-2,49	5,00	0,75			5,90	
2	GRDP giá hiện hành	Tỷ đồng	37.837	41.655	39.527	104,47	94,89	43.831	110,89
	- Khu vực I	Tỷ đồng	10.168	10.586	10.521	103,47	99,39	11.084	105,35
	- Khu vực II	Tỷ đồng	8.964	10.853	9.817	109,52	90,46	11.915	121,37
	+ Công nghiệp	Tỷ đồng	7.300	9.039	8.040	110,14	88,95	9.969	124,00
	+ Xây dựng	Tỷ đồng	1.664	1.814	1.777	106,79	97,98	1.946	109,50
	- Khu vực III	Tỷ đồng	14.973	16.212	15.376	102,69	94,84	16.729	108,80
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	3.732	4.005	3.813	102,16	95,19	4.102	107,60

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	Năm 2021				KH 2022	KH 2022 so với ước TH 2021 (%)
				Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ước TH năm 2021 so với cùng kỳ (%)	Ước TH năm 2021 so với KH (%)		
1	2	3	4	5	7	8= 7/4	9= 7/5	10	11=10/7
	GRDP bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	52,06	57,00	54,15	104,02	95,01	60,00	110,80
	- GRDP quy USD	USD	2.263	2.478	2.355	104,02	95,01	2.609	110,80
	+ Tỷ giá quy đổi	Đồng	23.000	23.000	23.000	100,00	100,00	23.000	100,00
	Giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	62.409	68.873	64.713	103,69	93,96	72.462	111,97
	- Khu vực I	Tỷ đồng	14.059	14.463	14.561	103,58	100,68	15.071	103,50
	- Khu vực II	Tỷ đồng	32.295	37.655	33.984	105,23	90,25	40.092	117,97
	+ Công nghiệp	Tỷ đồng	26.749	31.720	28.240	105,57	89,03	33.888	120,00
	+ Xây dựng	Tỷ đồng	5.546	5.935	5.744	103,57	96,80	6.204	108,00
	- Khu vực III	Tỷ đồng	16.056	16.755	16.167	100,69	96,49	17.299	107,00
	Giá trị sản xuất theo giá thực tế	Tỷ đồng	91.647	102.946	96.961	105,80	94,19	111.768	115,27
	- Khu vực I	Tỷ đồng	20.409	21.270	21.149	103,63	99,43	22.418	106,00
	- Khu vực II	Tỷ đồng	46.433	55.131	50.371	108,48	91,37	61.339	121,78
	+ Công nghiệp	Tỷ đồng	38.362	46.253	41.750	108,83	90,26	51.770	124,00
	+ Xây dựng	Tỷ đồng	8.071	8.878	8.621	106,82	97,11	9.569	111,00
	- Khu vực III	Tỷ đồng	24.805	26.545	25.441	102,56	95,84	28.011	110,10
3	Cơ cấu kinh tế	%	100,00	100,00	100,00			100,00	
	- Khu vực I	%	26,87	25,41	26,62	Giảm 0,25%		25,29	Giảm 1,33%
	- Khu vực II	%	23,69	26,05	24,84	Tăng 1,15%		27,19	Tăng 2,35%
	+ Công nghiệp	%	19,29	21,70	20,34			22,74	
	+ Xây dựng	%	4,40	4,36	4,50			4,44	
	- Khu vực III	%	39,57	38,92	38,90			38,17	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	9,86	9,61	9,65			9,36	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	TH 2020	Năm 2021				KH 2022	KH 2022 so với nước TH 2021 (%)
				Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ước TH năm 2021 so với cùng kỳ (%)	Ước TH năm 2021 so với KH (%)		
1	2	3	4	5	7	8=7/4	9=7/5	10	11=10/7
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	20.700	16.906	17.330	83,72	102,51	18.600	107,33
5	Tài chính								
	Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	10.838	10.941	11.256	103,86	102,88	9.002	79,98
	Thu trên địa bàn	Tỷ đồng	4.197	4.655	4.670	111,27	100,32	4.800	102,78
	Trong đó: + Thu nội địa	Tỷ đồng	3.792	4.205	4.220	111,27	100,36	4.300	101,90
	+ Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	Tỷ đồng	405	450	450	111,22	100,00	500	111,11
	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	9.556	9.663	9.753	102,06	100,93	7.954	81,55
	Trong đó: + Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	3.091	4.267	4.261	137,85	99,86	3.208	75,29
	+ Chi thường xuyên	Tỷ đồng	4.546	4.960	5.017	110,36	101,15	4.574	91,17
6	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	1.024	1.082	969	94,63	89,56	1.058	109,18
	Trong đó: + Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	672	800,00	611	90,92	76,38	768,00	125,70
	+ Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	352	282,00	358	101,70	126,95	290,00	81,01
7	Số doanh nghiệp đang hoạt động và có kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	DN	2.425	2.597	2.757	113,69	106,15	2.950	107,00
II VĂN HÓA XÃ HỘI									
8	Dân số trung bình	Người	726.792	730.838	729.888	100,43	99,87	730.500	100,08
	Trong đó: Dân số thành thị	Người	204.155	211.728	211.668	103,68	99,97	216.959	102,50
	Dân số nông thôn	Người	522.637	519.110	518.220	99,15	99,83	513.541	99,10
	Tỷ lệ tăng dân số trung bình	%	-0,34	0,20	0,43			0,08	
	Trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	7,20	5,81	6,00		103,27	6,08	
9	Tỷ lệ đô thị hóa	%	28,09	28,97	29,00	Tăng 0,91%	100,10	29,70	Tăng 0,7%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	Năm 2021					KH 2022	KH 2022 so với ước TH 2021 (%)
				Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ước TH năm 2021 so với cùng kỳ (%)	Ước TH năm 2021 so với KH (%)			
1	2	3	4	5	7	8= 7/4	9= 7/5	10	11=10/7	
10	Tỷ lệ hộ nghèo		3,46	2,46	2,46	Giảm 1%	100,00			
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm	%	1,88	1,00	1,00		100,00	1,00		
11	Lao động									
	Số lao động được tạo việc làm	Lao động	17.300	15.000	16.518	95,48	110,12	15.000	90,81	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	61,19	63,19	63,20	103,28	100,02	65,00	Tăng 1,81%	
12	Giáo dục									
	Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia		261/326	265/326	263/320	100,000	101,23	263/320	100,00	
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	80,00	81,00	82,19	102,73	101,47	82,19	100,00	
	- Số sinh viên trên vạn dân	SV	200	205	205	102,50	100,00	210	102,44	
	Huy động học sinh các cấp so với độ tuổi	Học sinh	159.119	159.195	158.573	99,66	99,61	160.672	101,32	
	- Nhà trẻ	Trẻ	2.500	3.450	2.730	109,20	79,13	2.890	105,86	
	Tỷ lệ huy động	%	19,23	20	20			20		
	- Mẫu giáo	Học sinh	25.040	25.885	24.500	97,84	94,65	26.727	109,09	
	Tỷ lệ huy động	%	89,40	90	90			90		
	- Số học sinh tiểu học	Học sinh	66.903	66.026	66.026	98,69	100,00	66.142	100,18	
	Tỷ lệ huy động	%	99	99	99			99		
	- Số học sinh trung học cơ sở	Học sinh	44.050	44.225	45.507	103,31	102,90	44.517	97,82	
	Tỷ lệ huy động	%	95	95	95			95		
	- Số học sinh trung học phổ thông	Học sinh	20.626	19.609	19.810	96,04	101,03	20.396	102,96	
	Tỷ lệ huy động	%	70,0	70	70			70		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	Năm 2021				KH 2022	KH 2022 so với ước TH 2021 (%)
				Kế hoạch	Ước TH cả năm	Ước TH năm 2021 so với cùng kỳ (%)	Ước TH năm 2021 so với KH (%)		
1	2	3	4	5	7	8= 7/4	9= 7/5	10	11=10/7
13	Y tế								
	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	10,9	10,7	10,69	98,07	100,09	10,50	98,22
	Số bác sỹ /10.000 dân	BS	8,3	8,65	8,66	104,34	100,12	9,00	103,93
	Số giường bệnh /10.000 dân	Giường	34,14	35,3	35,4	103,69	100,28	35,50	100,28
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	91,35	91,61	91,61	100,28	100,00	92,81	Tăng 1,2%
14	Nông thôn mới								
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	32/51	34/51	34/51	Tăng 2 xã	Tăng 2 xã	36/51	Tăng 2 xã
	Tỷ lệ xã nông thôn mới	%	62,75	66,67	66,67		100,000	70,60	
	Xã nông thôn mới nâng cao	Xã	3,00	5,00	5,00	Tăng 2 xã	100,000	8,00	Tăng 3 xã
	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	9,40	14,70	14,70	Tăng 5,3%	100,000	22,20	
III TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG									
15	Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch	%	95	96	96	Tăng 1%	100,00	97,00	Tăng 1%
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch	%	83	83	83	Tăng 2,5%	100,00	83,50	Tăng 0,5%
16	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thu gom và xử lý	%	86,0	88,0	88,0	Tăng 2%	100,00	90,0	Tăng 2%
IV QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH									
17	Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ	%	100	100	100	100,00	100,00	100	100,00
	Xây dựng lực lượng DQTV trên tổng dân số	%	1,75	1,75	1,75	100,00	100,00	1,75	100,00
18	Giám số vụ tội phạm và kiểm chế tai nạn giao thông	%	5,00	5,00	5,00	100,00	100,00	5,00	100,00

